



tạp văn

# NGUYỄN NGỌC TỬ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN

Tập văn

NGUYỄN  
NGỌC  
TƯ

Tái bản lần thứ hai

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ  
THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN

## Mục lục

TRỞ GIÓ	7
ĐẤT MƠI MÙ XA	19
XA ĐÀM THỊ TƯỜNG	11
THÁNG CHẠP Ở RẠCH BỘ TÔI	27
QUÁN NHỚ	34
CHỢ BÊN ĐƯỜNG	38
NGẬM NGÙI HUNG MỸ	42
NGUYỆT - NGƯỜI BẠN KHÔNG BIẾT VIẾT VĂN	51
HIỀN TRƯỚC NHÀ MỘT BÀ GIÀ TỐT BỤNG	57
MỘT MÁI NHÀ	60
CHƠI MỘT MÌNH	66
LỜI NHẮN	71
SÂN NHÀ	75
CHA VÀ CON	79
MỘT GIẤC MƠ	83
LÀM CHO BIẾT	87
TÀN MẠN QUANH... CÁI CỔNG	91
CỬA SAU	96
THƯ TỪ QUÊ	99
KÍNH THUA ANH NÀ LÀ BÁO	103

ĐI QUA NHỮNG CON BÃO KHÔ	106
CHỜ ĐỢI NHỮNG MÙA TÔM	115
ĐÔI BỜ THƯƠNG NHỚ	123
HƯ ẢO RỜI TAN...	129
CHÚT TÌNH SÔNG NƯỚC	134
BÙA YÊU VÀ CON NHỎ THẤT TÌNH	138
GIÓ MÙA THAO THỨC	141
NGƠ NGÁC MÙA ĐUA	147
CHỢ CÙA MÁ	151
LỜI CHO MÁ	154
NGỦ Ở MŨI	159
TRĂM NĂM BẾN CŨ CON ĐÒ	163
BÀ GIÀ VUI VỀ	167
NHỚ NGUỒN	172
MƠ THẤY MÙA ĐANG TỚI	177
LỜI BÁT: VỀ CÀ MAU THĂM NGUYỄN NGỌC TƯ	187

## Trở gió

Cuộc hẹn của chúng tôi không rõ ràng, mỗi năm gió lại đến bằng một ngày khác nhau. Nên vừa bước qua tháng Chín, tôi bắt đầu dời chiếc chuông gió sang cửa sổ phía Đông. Cuộc chờ đợi nhiều khi rất dài, đến nỗi quên phứt đi. Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần. Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoáng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoác tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không. Rồi nó mừng húm, khi nhận ra tôi chẳng quên được nó bao giờ (dù tôi đã để những chàng trai như Đờ, Ka, Mờ... lãng phai tuốt lượt). Cái chuông gió với những âm thanh mỏng manh trở thành thứ đồ chơi lãng nhách, chẳng thể hiện nổi sự hùng hực, dạt dào của nó - bây giờ lớn thành một dòng gió, xấp xài, cuống quýt xốc vào tấm tôn bên chái Đông đã bị đứt đỉnh từ mùa trước. Cồn cào. Nồng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng. Ôi! Gió chuông.

Tôi thường đón gió chuông về với một tâm trạng lộn xộn,

ngón ngang. Mừng đó rồi bực đó. Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy, lúc cắm cây chối ra quét sân, đứng trong gió đằm đìa tôi cũng buồn, buồn muốn chết. Trời ơi, gió nẩy là sắp hết năm đây, sắp già thêm một tuổi đây, mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vậy... Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rai ăn gấp rai nói, gấp rai cười, gấp rai khi ngày bắt đầu rụng xuống...

Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu. Khi gió bắt đầu hiu hiu se lạnh, đám con nít nhảy cà tung, háo hức vỗ tay cười, vậy là gán được sắm quần áo, dép mới rồi (nhà nghèo, cả năm chỉ được dịp nẩy chứ mấy). Gió chướng (và gió bắc) với tôi là gió Tết, dù từ khi bắt đầu mùa gió đến Tết, mất gần ba tháng ròng. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát "Cây rồi mùa qua sông cây muốn. Ông trời ổng thổi ngọn chướng buồn cha chả là buồn..." rồi thở dài cái thượt "Ừ hự, lụi hụi mà hết năm...". Dường như tâm trạng má khác tôi, những sợi gió cứ như xoắn xang vào nỗi nghèo túng, sợ không lo nổi một cái tết tử tế cho cả nhà.

Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hy vọng rục lên theo màu lúa. Mùi rom thơm ràn rụa thổi ngang đồng, nỗi buồn lo của má tan không thành tiếng, tan mau như sương. Đáng chờ đợi lắm, vì mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Gió thổi tạnh ráo những đôi chân suốt một mùa đằm đìa trên đồng bãi. Liếp mía đặt từ

hồi tháng hai, tháng ba, đợt gió mới chịu già, nước ngọt và trầu, cảm khúc mía trên tay, nghe nặng trĩu. Vú sữa chín cây lúc lỉu, căng bóng, màu vàng lan dần từ đít những trái xanh, trái tím càng tím lịm, nửa đêm dơi ăn rớt lịch bạch ngoài hè. Còn dưa hấu nữa, ui chao...

(Bây giờ thì mùa trái cây kéo dài cả năm, cảm giác thèm thuồng ngày đó không quay lại, nhưng xè trái dưa đỏ, thường thức giữa cơn gió chướng hiu hiu, thấy “đã” hơn, đậm đà hương vị hơn nhiều. Ấy, lại cực đoan...).

Cảm xúc ngọt lành thời thơ ấu chín muồi trong ký ức, lúc lớn lên, gió chướng ám luôn vào những trang viết. Tác phẩm nào tôi cũng cho gió lúc thấp thoáng lúc rờn rờn thổi qua (nhiều lúc hết hồn, chi chi tiết nảy thoi mình cũng đang lặp lại, mấy nhà phê bình không khinh khỉnh sao được). Những đám cưới được tôi cho xuất hiện trên cái nền gió nảy, nhưng chi là cái có cho buồn thảm hơn, sắc lại trên những mối tình dang dở. Chắc tại gió quá dịu dàng, nên có cảm giác gòn gòn buồn, có cảm giác như gió mở còi, cúi đầu hiu hắt đi giữa đời. Hay tại tôi đã già, đã nhận ra không mùa vui nào là vui trọn. Con nít sượng ròn nhìn đám cưới đi qua, tự hỏi bà di lờ thời sao lại buồn dữ vậy. Đứa cháu ngồi nhìn lớp da của ông ngoại mình bong ra rơi trên nền gạch, thất lòng nghĩ về cái chết - con đường thế ngoại sắp (và tất) phải về...

Gió chướng với tôi, một đứa bấp bôm văn chương, nó “gọi” khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gợn lờn hai từ “gió chướng”, ngay lập tức tôi sẽ chết giấc

trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lữ lượt hiện ra, những nùi rơm vương oằn nhánh me, giống bạc hà cháy lá, con nước rong linh đình lém bờ sông, má đứng giê lúa, trâu bay xà quần về cuối gió, vài buồng cau quá lúa thấp lỵa trên cao, tiếng chày quét bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trẻ, tằm tằm giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái loi loi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.

Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu dưa hành bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?



## Đất Mũi mù xa

Nơi ấy, lúc đất chuyển vào xuân, phù sa bắt đầu nồn nả lấn biển, rừng mắm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Nơi ấy, những ngôi nhà đều không cửa, nhà mở toang cho gió Nam vào, chường tới, bắc qua, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bày cả gan ruột... Nhưng rồi đến với làn sóng di dân ào ạt, cái không cần thay đổi đã thay, còn cái cần thay đổi thì chưa đổi bao giờ. Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi... Thịnh thoảng anh gọi điện cho tôi từ thành phố Hồ Chí Minh, hỏi vụ con chó cò nó ra làm sao, trái giác là trái gì mà nấu được canh chua bông súng... (sao mà những gì tôi viết ra đều khó hiểu như thế không biết). Có nói gì thì cuối cùng, anh cũng ga, hỏi rằng: "Còn Đất Mũi, chỗ đó nó ra làm sao, em hả?".

Trời, đất nước mình hẹp te vẹo mà lời anh hỏi sao nghe thăm thẳm mù xa. Nhưng anh lại hỏi làm người rồi, tôi là đứa bạc bèo từ Đất Mũi ra đi không nhớ thương, luyến tiếc, tôi là loại người thấy nhà người ta đẹp hơn nhà mình, thấy

vợ người ta đẹp hơn vợ mình, nên tôi bảo rằng, “Dạ, Đất Mũi cũng thường thôi anh”. “Thường à?”. Phải, thường lắm, thường thiệt là thường, tôi trả lời mà tự xấu hổ trong lòng. Về nói lại với cô em gái, em tôi la lên: “Ôi trời, sao anh không mời anh về thăm quê mình một chuyến cho biết há anh?”, đó là lúc tôi lặng đi, cái bản chất mến khách của người Đất Mũi trong tôi cũng đã phai rồi.

Thành ra trong câu chuyện này có tới ba người, anh, tôi và cô em gái Đất Mũi rất ri. Tôi thành nhịp cầu nối hai miền đất. Em tôi nhắn với anh rằng, Đất Mũi thiệt tình không có núi cao, không có biển xanh, cát trắng, không cung đình cổ kính lại càng không có phố cổ đìu hiu. Đất Mũi chỉ có bùn sinh, rừng thẳm và biển. Dẫu biển không xanh ngắt ngát mà đục ngầu phù sa nhưng ở đây nhiều biển lắm. Biển đằng trước, biển bên phải, biển bên trái. Bình minh, mặt trời từ biển quẩy nước ngoi lên rồi khi chiều về, mặt trời chín đỏ già nua lại ngụp về biển sau một ngày tự cháy.

Bây giờ, Đất Mũi đang mùa gió chướng. Coi ra thì người xóm Mũi sướng nhất đời rồi, ngọn Nam, ngọn chướng về, xóm Mũi là nơi đón, thương thức trước tiên. Em tôi muốn mời anh về ngay mùa này, lúc đất chuyển vào xuân. Gió mùa phây phẩy, gió đưa trời lộng lên cao, phù sa bắt đầu nôn nả lấn biển, rồi không lâu lắm đâu, từ bãi bồi, đất sẽ cồn lên, một rừng mắm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Mùa này, ba khía chuẩn bị vào hội; không biết hẹn hò nhau từ hồi nào, ba khía tùm về xúm xít đeo trên gốc mắm, rễ đước. Con nào con nấy thật chắc nụi,

gạch ú đầy mai (nói tới đây tự dung thêm ba khía muối ăn với bản chua cháy lòng).

Cũng mùa nầy, bắt đầu con nước ròng, cây đước nhón cái rễ như cái nom cao lên đến nửa thân cây, những cái rễ mới thò xuống từ trong tán lá rừng xanh biếc. Nước tràn bờ bãi, người xóm Mũi bắt đầu cuộc sống rất trên sàn. Những cây đước lột sít sao nhau để làm lối vào nhà, lối qua bên hàng xóm, lối ra nhà tắm, chuồng gà. Trẻ con chạy rượt, u hơi ở trên sàn, nháy lò cò bên những bụi họ, bụi ớt lơ thơ trồng trong thùng. Cá thòi lòi dạn dĩ theo con nước chạy rột rết dưới sàn nhà, có lúc ngóc đầu lên, nhìn thom lom, ý hỏi ai đây ta, ai mà lặn lội tới xứ bùn sinh rừng rú nầy, ai mà ngó tui thiếu điều lòi con mắt ra, lạ lắm sao?

Lạ lắm, nếu anh đến, thế nào anh cũng bảo cái mũi đất cùng trời cuối đất nầy sao mà lạ quá đi? lạ chớ, em tôi cười, lạ từ cái cây, ngọn cỏ, vụ trái giác với con chó cò chỉ là chuyện nhỏ. Em tôi hỏi anh đã từng thấy nụ bông đậu cộ tím biêng biếc như những chiếc giày cao cổ (em bảo chắc như đinh đóng cột rằng hầu hết hoa dại ở xứ tôi đều có màu tím thùy chung), anh đã thấy những bông vệt cứng cối xòe chơm chớm như cái nom cá, bao giờ kết trái, hoa lại trở thành chiếc ô che đầu, rồi những trái quao mới sinh ra đã cong cong. Em tôi vì nuôi nắng mẹ già, không chịu lấy chồng, ai tới hỏi, em đều các có đòi lẽ vật phải có một mâm muối tréo cánh và mâm trái quao thật trắng (vụ trái quao nầy là tôi nói thêm với anh, chứ đòi nào em nói).

Và còn những trái đước quê tôi, anh đã biết? Từ khi còn là trái xanh lúng lẳng trên thân cây mẹ, trái đước đã thắng người trong tư thế một ngày cắm thẳng xuống bãi bùn mà không mảy may nghi ngờ, chọn lựa. (Đôi lúc trên con đường văn chương cô độc, tôi chùn bước, em tôi lại bảo tôi phải chặt lòng chặt dạ, phải giống như những trái đước ấy, lao xuống đất văn chương bằng niềm say mê mãnh liệt nhất).

Bao giờ ngồi nghĩ thật lâu về quê nhà tôi cũng nhận ra rằng, dường như Đất Mũi thiêng lắm, nhất là khi đất biết có người ngày mai chia xa nên dưới kính bắt đầu con nước rạt, nước chảy cạn chỉ còn một lạch nhỏ. Quê xứ bắt đầu cồn lên những thứ mà ai cũng biết rằng không thể mang theo. Đây mùi cá khô vừa mới se se nửa nắng hăng hăng nồng nả bay vào gió. Những giàn lưới tanh mặn mùi biển cá vắt mình trên những giàn phơi. Tiếng tàu đêm ra biển rừ rừ. Mé un trên những căn nhà nhỏ bên sông tù mù cuộn khói. Món hàu tái chanh, cá thòi lòi kho dứa, vọp nướng... mà em tôi đãi món nào cũng ngọt tự nhiên một cách kỳ lạ.

Mới nhớ có người đã từng thốt lên chừng như cảm động không chịu được, rằng ở đây chỉ có nước biển mặn thôi, tất cả thì ngọt bùi. Người Đất Mũi sao mà hiền từ, mến khách thấu trời thấu đất vậy không biết, dường như sống giữa bao la trời, bao la biển nẩy, người ta phải học cách thương nhau để khỏi cô độc. Làm sao tay xách nách mang những thứ nẩy được đây, khi em gởi theo ít ba khía muối mang về, ba khía thì mang về được rồi, còn cái tình cái nghĩa của người Đất Mũi đậm sâu vậy, làm sao bỏ vô giỏ xách theo được?

Tôi vẫn không từ bỏ câu nói của mình rằng Đất Mũi thường thối, rất thối, nhưng hết thảy mọi thứ ở đây đều làm cho người ta nhớ vì lạ, vì thương. Bấy đã trảng xe những hòn cát liu riu nằm trên bãi Khai Long, những bông rau muống biển mỏng tang mà chống chọi với gió trời, rập rờn tím ngắt. Hòn Khoai thì xanh thắm ngoài kia với ngọn hải đăng chưa bao giờ tắt.

Dường như mọi thứ ở đây đều thắm và đậm. Nắng thì lắm li thôi là lắm li, gió cối mở thôi là cối mở. Rừng đã xanh là xanh lục lia, một màu rời rợi. Biển đã đục là ngầu ngầu phù sa. Nước đã mặn là mặn quéo đầu lưỡi. Người Đất Mũi rất đã thương là thương trọn, đã nhớ thì nhớ sâu, đã sầu thì sầu dai dẳng. Hết thảy đều không thể nửa vời. Cho nên khi anh về, đừng có từ chối mà không cạn từng ly rượu đế cay xè, cũng đừng trả giá nửa ly thôi, làm lòng bà con mình buồn nghen. Mà, anh dứt khoát phải gặp em tôi một lần, cô có tất cả đặc trưng của người Đất Mũi, da ngăm ngăm, rắn rỏi, mắt hay cười, em hay hồn nhiên xắn quần cao đến khố đầu gối lội qua kinh những lúc nước ròng, mộc mạc không giả đò mắc cỡ làm duyên...

Những năm tháng qua đi đã làm em tôi khôn lớn. Em bắt đầu biết buồn, mà toàn buồn chuyện đầu đầu không hà. Mỗi lần lên thành phố thăm tôi, em đều ngồi thừ ra, em nói, chắc moi mốt rồi chẳng còn Đất Mũi ngày xưa nữa. Đất Mũi của ngày em lên chín, mười, từ vàm Rạch Tàu đến tận cuối xóm Mũi thừa thớt nhà, nhưng những ngôi nhà đều không cửa. Nhà mở toang cho gió Nam vào, chướng tới, bắc qua, tắm

nhìn thông thống, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bày ra cả gan ruột của mình mà rộng rãi, hào sảng. Tháng tám hội ba khía. Tháng chín mùa cua lên bãi. Tháng mười hội cá đường. Rừng dày rậm rạp, rừng chồm sát mé kinh để níu kéo chút hơi ấm con người. Cái hồi mà thiên nhiên ở đây hào phóng tới mức cha ông chúng tôi chắc lòng chắc dạ tuyên bố với quân thù, chừng nào “Khai Long hết xác cá đường, thì Mũi Cà Mau đó tao nhường cho bây”.

Thấy em buồn, tôi chỉ cười, sao mà cô đi lo chuyện thiên hạ không vậy. Em giận tôi, em bảo, “Không, đó là chuyện của quê hương, của nhà mình, của thời thơ ấu chúng mình”. Em tôi nghĩ hoài, rồi sau nấy khi tôi đưa anh về thăm biết làm sao bây giờ, làm sao để đưa anh đến một ngôi nhà bình yên trải lòng ra như thế, với một làn sóng di cư của hàng trăm, hàng ngàn người từ nơi khác tới, người Đất Mũi khép cửa lòng tin. Người bản xứ vẫn gắn bó mình với chiếc ghe cào, ghe câu đánh bắt gần bờ; với những chân đày hàng khơi thì những người mới đến sống bằng cách phá rừng, càn quét bãi bồi.

Nên em bảo cố rủ anh về khi trở qua mùa gió chướng bởi gió Nam là mùa gió buồn nhất, mùa nầy, tôm cá về bãi, người mới đến thôi phá rừng mà đi đẩy te, xiệp, giăng lưới ba màng, sạt sò huyết, mò vọp, bắt cua. Những cách đánh bắt hết thảy đều mang tính tận diệt. Bãi bồi nhào như dấu chân người, vạt mấm nhỏ xíu xanh lú rú mới vừa bắt rể để lán biển giữ phù sa đã bị càn phá giạt trôi, dấu lòng đất âm í muốn sinh sôi mà chân thì không sao bước tới. S. Antov viết rằng, mỗi

người có những ước mơ khác nhau nên không hiếm khi bị kịch đã xảy ra vì có số ước mơ phải hy sinh để những ước mơ khác trở thành hiện thực.

Tôi nghĩ tới Đất Mũi. Ước mơ đất của em tôi, của người yêu thiên nhiên đã đau đớn gục xuống cho bấy trẻ con có tiền đi học, khạp gạo để ở góc nhà được đầy, bữa cơm không chỉ muối trắng, tối ngủ mừng lành, có mền đắp để qua mùa gió bắc năm nay...

Rồi lắm lắm đất đã đổi thay, cái bán sắc vùng đã phai nhạt ít nhiều (em lo là không còn cái chất riêng của miền đất cuối, anh sẽ bảo anh ra Cần Giờ sướng hơn, chớ lặn lội làm chi mấy ngày đường). Lô xô những ngôi nhà tạm bợ mọc lên chen nhau bạt trống hươ cả mấy khoảng rừng. Thiên nhiên bắt đầu nghèo nàn, rách rưới, mà đất vẫn hiền như mẹ, dầu con lắm lỗi vẫn ôm vào tấm lòng. Em than thở với tôi, đã có câu “nghèo cho sạch, rách cho thơm” còn sáng tác ra câu “bần cùng sanh... lâm tặc, ngư tặc” chi vậy không biết. Tôi biểu em đừng tiếc nữa mà em không chịu nghe, mới hay vừa ráo bần tôi đã không còn là tôi nữa, chỉ có em thôi, bấy lâu nay cái không cần thay đổi thì đã thay, cái cần đổi thì chưa đổi bao giờ. Nhất là cái khoản luôn luôn nuôi tiếc những gì mình không trở lại nữa, mà, trời ơi, đời người có bao lâu đâu, không nhìn phía trước sao cứ lo ngoài lại.

Anh à, em tôi có ý nhắc hỏi anh rằng, có phải em tệ lắm không. Bởi dù gì thì hơi ấm con người đang làm cho đất thức dậy sau gần trăm năm vì sông nước chằng chịt, vì rừng rậm hoang sơ cản đường người ta đi tới. Cuốn cuộn theo dấu chân

của những gia đình di cư, là xóm chợ xôn xao, những hàng quán mọc lên. Đất cuối trời bừng tỉnh, sôi động. Những chiếc vỏ lãi cao tốc lướt băng băng trên sóng làm con đường vốn xa rờn rã gần lại. Vậy thì lẽ ra em không nên buồn, không nên tiếc mới phải? Em đã nhản vậy rồi anh còn chần chừ ngại ngần chi nữa mà không tới Đất Mũi hả anh?

Để được đón anh về, có lẽ em tôi sẽ nhọc nhằn hơn nữa bởi hết lòng cố giữ những gì đáng giữ. Này biển, nầy rừng, nầy tôm cá trên bãi bồi, nầy tính cách hỗn nhiên không vụ lợi của người Đất Mũi. Để anh có thể ngồi quây quần với bà con, đêm thức nghe gió mùa tan trong bếp lửa, bên bữa rượu ấm nồng, tôi ngồi đếm tóc anh, chợt giật mình thấy anh bạn mình tuổi đời có còn trẻ gì đâu, hú hồn, chút xíu nữa là không kịp về Đất Mũi xứ tôi rồi. Đất Mũi gần gũi vậy, sao phải mất tới mấy chục năm trời mới đến được vậy ta.

Nhưng anh biết không, đi với anh dưới ánh nắng vàng dãi, len lỏi trong những mảng rừng loang lỗ, nhìn về cái bãi đất bồi hoang vắng, nếu thấy em tôi vui cười chơi chơi vậy, chưa chắc em đang thật đâu, với em tôi, Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi. Nếu em tôi thật sự mệt mỏi buông xuôi rồi, thì tôi biết làm sao đây anh?



## Xa đằm Thị Tường

*Minh ngỡ ngỡ mình đã quên cái gì nơi ấy,  
Lục lạo lại thì đúng là mình có bỏ lại cây bàn chải đánh răng.  
Nhưng không, chỉ cây bàn chải đánh răng thôi mà,  
nó không làm mình bứt rứt và khó chịu như vậy.  
Minh vẫn còn cảm thấy mình quên cái gì đó,  
khác hơn và lớn hơn, sâu đậm hơn nhiều.  
Vậy thì có phải mình để lại Thị Tường một mùa gió chướng không?*

**L**à vì, mình về Thị Tường ngay đầu mùa gió. Chướng về lạng lẹ, nửa đêm nghe hây hây trên da, trên tóc. Nằm trong căn chòi giữ lúa giữa đằm nghe gió lác xạc trên lá. Mấy cái đuôi lá xao xác. Nước biển như chỉ chờ có vậy, chảy từ cửa sông Đốc qua kênh xáng Bà Kẹo liếm vào dòng ngọt. Thức dậy, ngậm một ngụm đã nghe mặn cứng môi, vậy mà hôm qua mình còn lấy gạo múc lên rửa mặt. Nước đang lộn cợn đục bồng trong vát ngà màu đỏ đỏ, người ta chép miệng, “mới đây mà nước “chè chè” rồi”. Chim én không biết về trước

gió hay sau mùa gió mà đậu chiu chít trên mấy đống chà. Nghe gió về, người Thị Tường hy vọng rất nhiều, rất nhiều tôm cá đang tới.

Đầm Thị Tường là vùng đầm nước mênh mông với diện tích mặt nước hơn bảy trăm héc ta, quãng rộng nhất gần hai cây số, rộng tay mạnh đầm như dân xứ nầy, từ bờ nam sang bờ bắc mất hơn một ngàn lát dầm, từ bờ tây sang bờ đông nhìn mút mắt. Người đầm Thị Tường làm lú đánh bắt cá tôm suốt năm nhưng trúng nhất là vào mùa gió nầy. Lúa ngoài đồng sau đang xanh lá, có vạt trở đồng đồng đất, chờ ngọn gió lao xao lành lạnh là đón tre xuống lú. Miệng lú rộng tròn như miệng thúng, rộng hơn một tí, bằng lưới. Lú giăng ngang đầm, miệng nằm giữa hai cái ven bằng lưới giăng dưới nước theo hình chữ V, lúc nào cũng hướng xuôi theo con nước, đón luồng tôm. Con tôm ngộ lắm, tụi nó lội ngược. Thấy ánh đèn treo đầu ngọn lú, tôm de đít vô (con người mình còn chết mê chết mệt những thứ ánh sáng phù hoa đó hướng chỉ là con tôm, con tép). Không thể đếm có bao nhiêu ánh đèn trên đầm vào mùa nầy. Bào rằng một vạn ngọn thì sẽ thiếu ngọn đèn cóc đôi vợ chồng son mang theo để xem lại album ảnh cưới. Bào rằng hai vạn ngọn thì mình sợ thừa vạt đèn vừa tắt ngấm của một cụ già nhất xóm chiều hôm qua vừa đi vào cõi vĩnh hằng. Chỉ biết, Thị Tường trút bỏ về lãnh đạm, ơ thờ ban ngày để trở thành một thành phố đêm rục rờ. Thành phố của những người làm nghề hạ bạc. Chỉ có những con người ở đây thay đổi, như tối nầy có tiếng thì thầm rúc rích của đôi vợ chồng mới cưới, như tối nầy anh Bảy, một cây ca vọng cổ đã say

mềm nên không còn ai đặt điều xuống xẻ câu vọng cổ “Bờ sa cơ giữa chiến trường thọ tiễn, nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu... Hà...”... Vẫn những ngọn đèn chong mát thức trắng đêm. Những ngọn đèn đứng yên mà như hấp háy trôi mãi, trôi mãi. Ừng mờ mờ những khuôn mặt người nhòe trong bóng nước. Giữa mênh mông sóng nước này, không ai thấy cô đơn. Thất tình cũng không thêm buồn. Cuộc sống đẹp thế, vui thế mà.

Mình tiếc anh M., anh T. không mang máy ảnh về với mình mùa này, mình tiếc anh H. ở Bến Tre chắc bận dự trại sáng tác ở Vũng Tàu không kịp về mùa này như đã hứa từ cái lần đi Đá Bạc, mình tiếc anh mình không về mùa này, về ngay gió này. Khi đêm hoa đăng không mặc cảm với trăng đã từ từ giăng giăng sáng mặt đầm. Tụi mình thả xuống ra đó chơi.

Ra đầm, chúng mình sẽ thấy mùa xuân đang đến gần hơn bao giờ hết. Bờ lá dừa nước xa xa, mờ mờ sẫm. Bầu trời xa lắm. Mặt nước mông mênh. Mình cứ nằm xoải chân, tay gối đầu lên sạp xuống, cản gì khua đầm, gió đẩy mình đi, lênh đênh trong dòng gió. Sóng vỗ lóc bóc vô mũi xuống. Dạt xa bờ, gió không khuấy rặng dừa nước dày, nên sóng cồn cào, nằm trên sạp đóng bằng ván cau lão, nghe sóng nhảy nhót hấp háy be xuống. Đầm Thị Tường bao đời nay không sâu lắm, nước có chỗ lè đé ngực, có chỗ chỉ đếm lưng quần, tại gió thổi mà đêm qua chiếc xuống buộc ngang hông chòi bị sóng chập chã chìm lìm, cái đầu dây bị vướng nên treo cái mũi góc lên trời.

Tại gió mà có nhiều đêm không đốt đèn được. Gió thổi phù

phù. Gió giật hiu hút. Gió là sà gheo vạt áo bà ba làm chị mình lúu quíu vắn lại vì xấu hổ. Gió thảng ba mang hương cà hương bấp, mùi thơm dần đã bay ra từ bờ lá đang trở rộ lưới mèo phèn. Gió thảng sáu mang từ trong xóm quê mùi rạ tươi thơm, mùi rơm giòn đượm. Gió thảng chạp bát ngát hương nếp mới, nghe rõ nhịp chày hì hụp quét bánh phồng, những nhịp chày rờn rã. Những chiếc đệm, chiếc chiếu trải rộng trước sân nhà, dưới nắng, phơi bánh phồng vàng óng màu mật ong.

Rồi cũng tại gió nẩy nước cũng ngập ghé lên. Không sôi réo ồn ào mà lặng lẽ. Lặng lẽ. Đem ấy đang nằm chò co trong chòi và quả tình là đang mơ thấy một người, không dung lưng lạnh ngắt. Lớng ngớ bờ dậu thì nước lên đã ướt dầm lưng rồi. Cái cà ràng chị mình để trên sàn đang nấu cơm buổi sớm ngập nước bể ra làm ba mảnh. Chị mình buồn lắm, không biết có phải tại bữa nay cả nhà ăn nổi cơm nửa sống nửa chín hay tại thương cho số phận ba ông Táo, nông nổi như vậy mà còn phải chia xa.

**2** Không, mình có đem quà xứ đằm về. Mình nhớ lời chị T. nói hôm trước. Chị ngời tà, vừa tà vừa chắc lưới ngọt xót: “Trời ơi, giữa trưa mà ăn cơm nguội với ghẹm muối còn gì bằng, mà phải muối cho thiệt mặn nghen, (chắc lưới), ăn đã dư lắm. Còn mắm thì làm hai món: nấu ninh lược nước làm lấu, ăn với cá rô, cà phổi, khổ qua, rau thì có rau đắng đất, cải xanh... Mắm chua thì ăn sống. Mắm cá nâu, cá bóng nhỏ tẩn mẩn để nguyên con, trộn gừng, đường cát, vắt tí chanh. Gắp một con mắm cặp với chuối chát, khế xắt lát mỏng dính mà

ăn, (chắc lưỡi), nó ngon hóng biết làm sao mà nói. Vừa chua vừa ngọt, vừa chát vừa cay, tả một hồi bắt thèm”.

Minh nghe chị tả, hiểu lòng chị, xách về khệ nệ nào mắm, nào ghẹm. Ở đầm, vào mỗi con nước rằm hay ba mươi, ghẹm nhiều vô số. Lốp vô lú, lốp nghếch con mắt thao láo bu đầu bập dừa thả lênh bênh ngắm trời chơi. Người ở đầm câu kỳ ghê lắm, muối toàn là ghẹm cái, loại nhiều gạch nhất, ăn vừa mặn vừa béo ngậy. Rồi hỏi về mắm, dù mùa cá hội đã qua lâu lắm rồi nhưng nhà nào cũng còn hũ mắm chưa giở, chỉ cần hé cái nắp đây một chút đã nghe thơm lừng lựng mũi. Cái xứ ngộ, con người nhiệt tình, chưa kịp nói gièm thì đã dúi vào giỏ biểu xách về rồi. Tình thật, mình muốn mang về đâu phải bấy nhiêu đó. Một buống dừa nước com thơm, con cua gạch son ăn vô say quay mòng mòng, một mớ tôm bạc, tôm càng, một con cá dứa... cho bạn bè mình biết cái xứ mình hào phóng cỡ nào. Cho những người xa đầm Thị Tường nhớ bắt ứa nước mắt khi nhìn lại những món ngon năm cũ.

Có rất nhiều người từ đầm Thị Tường ra đi. Đây Tân Phong, Đất Cháy, Kinh Một, Hai, Ba, Tư, Vịnh Dừa, Giáp Nước, Bà Ký, Bà Kẹo, Thọ Mai, Vịnh Trần, Mũi Mắm... Những cái xóm nhỏ bình thường, cái tên cũng bình thường nhưng là vùng căn cứ nổi tiếng thời chống Pháp và Mỹ. Xứ ủy Nam kỳ ở đây, tỉnh ủy nằm ở đây, các báo kháng chiến nằm ở đây, đoàn văn công nằm ở đây... Xóm làng che chở. Trực thăng, máy bay địch không biết đi bắn phá ở đâu chiếu về quẹo lại đầm xả bom đạn cho nhẹ lái.

Hồi đó, sao người ta thêm nhiều chuyện “độc” vậy không biết. Thêm buổi sáng ngắm mặt trời mọc từ đầu đằm, buổi chiều khập khượng úp mặt về Mùi Mắm cuối đằm, thêm nhìn một bầu trời tinh tươm không bóng bẩy ác diệu bằng sắt đen sì, thêm thả xuống ra đằm, mang theo một ít ghẹm muối nguyên con, mắm nguyên con, thịt non mềm, một tay cầm củ gừng, một tay cầm con mắm, cứ cắn gừng một miếng, cắn mắm một miếng mà lai rai dưới trăng. Có cầu kỳ gì đâu, có đòi hỏi gì cao sang đâu mà vì bom đạn chiến tranh vẫn không làm được.

Bây giờ những người từ đằm Thị Tường ra đi có còn nhớ không? Có còn nghe thêm ngần ngật những món ngày xưa không? Và những con người hào sảng đậm đặc chất Nam bộ. Đàn ông nhậu một mâm thì đàn bà cũng một mâm. Đàn ông say thì ca vọng cổ (đôi khi cũng buồn tình đập chén, đánh vợ, không kể), đàn bà say chỉ nhảy múa cho vui hơi rượu đi. Người dân móc ruột mình ra mà nuôi cán bộ, sống chết với cách mạng. Cho tới bây giờ, ông sếp mình vẫn rung rúc nhắc lại chuyện một gia đình thay ông, chết trong đêm vì bom chậm của lữ B57. Không đếm được bao nhiêu hy sinh mất mát của người dân xứ đằm. Rồi có còn nhớ không, những con gió?

**3** Minh vẫn còn thấy quên, thấy xon xót trong lòng. Có phải vì một bờ lá ven đằm bắt đầu nham nhở... Đứng bên này bờ Đất Cháy đã nhìn lỏng lẻo những mái nhà trắng xám phía bên Phú Mỹ. Người dân phá lá ngoài đằm, phá vườn

trong xóm làm ruộng, nuôi tôm. Nhưng rặng dừa nước âm u, hoang sơ ngày xưa đã mất. Mình đứng tiếc hệt như anh T. hôm ấy đứng tiếc người ta dùng ven lưới thay ven lú sậy bện đăng. Có phải vì chúng mình vẫn nghề quá không? Có phải vì bọn mình phi thực tế không?

Đầm vẫn như trái tim nối những mạch máu kênh rạch đi trăm ngã. Ừ, nhìn qua thì cũng như ngày xưa. Nhưng không, ngày ấy, ông cố mình sinh ra mười người con, ông ra đầm cắm đăng đặt đó, vậy mà thánh thôi, mười anh em của ông nội mình cùi cùi khôn lớn, dựng vợ gả chồng và mỗi người lại sinh ra một đàn con khác. Ông nội mình lại ra đầm, bắt đầu dầm dãi, nhọc nhằn. Đến đời ba mình thì không còn những mẻ tôm nặng ký. Chuyện cá tôm nhiều vô kể quanh năm, chuyện một chiếc xuống con với vài tay lưới có thể nuôi cả gia đình đã quá xa vời. Chuyện xuống đi tới đâu, đàn cá nước đuối theo đến đấy chỉ còn là cố tích.

Mình quen một người sống trên đầm, bác Hai Ngọc. Bác ngồi uống trà với mình và nói với giọng buồn hiu, “Càng ngày càng ít tôm cá cũng ráng mà bám, sống chớ mình không có đất đai, biết làm gì bây giờ”. Nhà bác có tám mươi miệng lú, nuôi năm nhân khẩu, thu nhập một năm chỉ bằng chín mươi công ruộng. Ngày trước, cứ năm trăm mét một hàng lú, bây giờ là một trăm. Những nò, những chà, lưới... chỉ chít mặt đầm như một ma trận mà người lớ ngớ thị thành như mình không tìm được lối ra. Tôm cá thiên nhiên cạn kiệt. Mình xin mọi người đừng trách cứ Thị Tường ở bạc. Chúng mình thờ gió đầm, ăn con tôm con cá ở đầm, mặc cái quần cái áo, từ

đầm mà lớn lên. Mai một này chúng mình lại vất kiệt thiên nhiên để nuôi đầm con.

Minh sợ ngày ấy thì Thị Tường đã khác bây giờ. Nuôi tôm, có thể nhiều nhà ngói nhà lầu, có thể nhiều tiện nghi hơn bây giờ. Và vườn dừa cao vợi trong xóm không còn nữa, rặng dừa nước bao bọc ôm ấp con đầm, nơi con cá kẻo chạy giỡn rượt nhau, con tôm bạc ẩn mình... không còn nữa. Con người tự bào chữa, trấn an mình, tại không sống được vào nó nữa rồi chớ nào muốn làm cho vùng đầm đánh mất nét duyên bao đời.

Minh sẽ trở lại Thị Tường, đứng trên bờ xàng, nơi có bụi ô rô lá vô vàng. Minh đứng đó trong lồng lộng gió, trong vàng dài nắng, nhưng từ đây hết thấy đã vô hồn.

Minh sợ phải nhìn thấy đầm Thị Tường vốn từng nhớ thương sâu sắc trong lòng đưa tay vẫy cái chào xa mãi?



## Tháng Chạp ở rạch Bộ Tời

Tôi viết những dòng này tặng bà con ở xóm rạch Bộ Tời, cái tên nghe thiệt lạ, phải hôn? Chỗ này không phải là danh thắng, căn cứ cách mạng cũng không, chưa được gọi “rạch văn hóa” nói gì tới ấp văn hóa. Đất nhỏ nhoi, thân phận con người cũng nhỏ nhoi, thăm lặng, những cậu Tư, cậu Bảy, dì Ba, dì Sáu... Không có ai ra ngoài cổng Ủy ban tỉnh mà gào kêu công lý, cũng chưa thấy vụ ấu dâm đã giành giật đất nào.

Có lần nghe cậu tôi trách, mấy đi ta bà ở đâu không hà, sao không viết về rạch Bộ Tời, tôi đã hỏi:

– Ở đó có gì vui?

Cậu tôi cười, có nhà. Xóm chừng mười nóc nhà, thêm mười cái chòi lá giữ vuông nằm rải hai bên rạch. Rạch thì nhỏ như con mương ranh từ sông Rạch Rập chạy thẳng qua Lung Dừa. Ở đây, nhà nào cũng nghèo, nghèo bằng chang nhau. Cho nên

họ buồn bằng nhau khi gió chướng về. Cái gió làm người ta ngậm ngùi, biết sắp hết năm, thêm một tuổi, tiếc muốn chết.

Ở đó còn có người. Nhiều người. Những con người có một trăng trời mênh mông mà cả đời chẳng mấy khi thành thoi ngược mặt ngó trời. Những con người có một mùa gió toì bời nhưng không một lần thoi thới hít lấy cái hương xuân của trời đất. Ai cũng có nhà nhưng quanh năm phải dầm dãi ngoài đồng đất.

Bời ở đó toàn là nông dân, tính luôn ba tôi. Sáu mươi tuổi không lúc nào móng chân thoi đóng phèn, sáu mươi tuổi không lúc nào đôi tay thoi cầm cày cuốc. Sáu mươi tuổi ba tôi về hưu, bỏ chuyện chức tước qua một bên, bỏ chuyện làm thoi “lá rụng nhà anh, lá rụng nhà em” qua một bên, vác lều vác chõng vô rạch Bộ Tời làm vương, nuôi tôm. Ba năm, chắc đất quê vợ đã đủ thành đất nhớ, nên năm bảy bữa về thăm con cháu, chừng nửa ngày đã nhấp nhồm muốn đi.

Ở đó, ba tôi có căn chòi không lúc nào ngót khách. Cô Bảy Hạnh ở thư viện tỉnh còn định mở “Thư viện văn hóa... xóm” ở đó. Chòi nhỏ, có ti vi, casset, điện dẫn từ ngoài sông ra hai trăm hai còn chừng trăm rưỡi, bóng đèn đỏ lòm. Bình thủy để ở vách chòi luôn chứa đầy nước nóng. Trà cũng sẵn. Bánh ngọt để kể bên. Cũng ở chỗ nầy, một bữa sáng mấy ông bạn già bạn trẻ của ba tôi tùm lại uống trà, tháng Chạp trên đường đi qua, ghé lại. Một người kêu lên, giọng như tháng thốt, như giạt mình, như hóng dề:

– Trời, mới đây mà tháng Chạp rồi, lụi hụi là tới Tết.

Mau vậy. Mau quá ha. Rồi có người thở dài, “Vậy hết năm nay cũng chưa trả nợ được”.

Kìa, cậu, cần gì nói chuyện nợ, nội nghe hai tiếng thảng Chạp thôi là bao nhiêu chuyện cần làm xống xộc tới. Làm cỏ, tĩa kiếng sân trước, cọ rửa, quét vôi mười mấy năm mộ vườn sau, sửa sang nhà cửa, để xập xệ vậy coi đâu có được... Rồi cũng phải đi sắm đồ mới cho tụi nhỏ, tính coi ăn Tết sao đây. Bao nhiêu chuyện đó thôi lo cũng đã bứt gân, tóc tai tơi bời rồi, nhắc làm chi chuyện nợ nần từ mùa chuyển dịch.

Nhưng phải nhắc, người Việt mình với Tết giống như con rắn tới kỳ lột da, lột không được, ngắc ngư hoài, rừ không hết lo phiền, khó chịu lắm.

Nợ đã ba năm, đã tới hạn rồi, nhà nước tử tế không phải như mấy người vay nặng lãi kêu xã hội đen đi đòi, vì họ tử tế nên mình phải tử tế với họ. Đây đã bắt đầu mùa tôm thứ ba, bà con ở đây vẫn chưa thấy khá. Nghèo hoài. Ba tôi thắc mắc, sao không thấy cái câu “Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà” ứng vô đời nông dân ở rạch Bộ Tời ta. Ở đây, tuyệt không thấy ai biếng nhác bê tha chơi bời nhậu nhẹt, vậy mà nghèo mới tức. Đêm canh con nước khiêng máy tát ra tát vô, tờ mờ sáng ra đi đổ lú, rồi suốt ngày lụi hụi vớt rong, múc sinh cải tạo ao đầm, trồng lúa, lúa chết thì trồng nân cho có cái tôm ăn. Quân quật tới đó đèn đôi chân mới ráo nước, ngồi đón coi mấy ông khuyến ngư phổ biến kỹ thuật nuôi tôm trên ti vi, đặng học hỏi. Nhưng dụng kỹ thuật nào vô cái đất nầy cũng trót quớt, tôm cũng chết thảng cẳng. Hết cách rồi. Đất phèn mặn, kinh lại cạn, lấy nước ngọn của sông Gành Hào chảy qua

chợ Cà Mau, vô trong nây đã đầy rác, con người nhìn còn muốn bịnh nói chi tôm vốn đã ốm yếu, bịnh hoạn sẵn từ hồi bằng cây kim may tay.

Nên năm đầu chuyển dịch, người xóm mình hỏi nhau tôm bên đó có chết không, bộ tụi nó chết nửa hả. Năm nay hỏi khác, hết chết chưa.

Cảm giác cũng chai đi, hồi đó tôm chết còn bàng hoàng, nôn ruột như con trai út của mình bệnh ngặt, bảy giờ thì coi như không rồi. Vậy mới sống được. Cũng như ngày xưa, lúc còn làm ruộng, nghe giá lúa lên xuống thất thường riết cũng quen.

Ba tôi đọc báo cho mấy ông bạn chòi nghe, nhà nước thừa nhận, chuyển dịch cơ cấu từ trồng lúa sang nuôi tôm, cho đến nay thống kê chỉ 30% có lãi còn lại là hòa và lỗ, ai cũng vỗ đùi khen, sao mấy ông chịu thiệt vậy không biết, chớ mấy chuyện thất bại rồi, nghe im re, như cảng cá nè, nhà máy đường nè... Rồi ai nấy rờ rờ cái cảm, ngậm ngùi, vậy là bà con thất đều chớ đâu riêng gì rạch Bờ Tời mình.

Ở đây có nhà dì Ba từ Tết rồi tính lại mới bán tôm được bốn năm trăm ngàn, mấy mùa trước còn giăng lưới cá phi bán cóc ken, mùa nây không có cá mà kho quẹt. Cả nhà sống được nhờ nghề hạ bạc, chài lưới dưới rạch, con gái dì đi làm mướn dài dài xóm.

Nhà nào cũng xoay qua làm việc khác để mua gạo, củi, mắm, muối... Ba tôi cuốc đất, trồng cà, ớt, trồng cải bẹ xanh trên bờ ruộng. Ngày tưới hai buổi, hai buổi na cái thùng đi xiêu xiêu trên cánh đồng chang chang nắng gió. Ba nói, “Cực một chút vậy mà có tiền mua trà bánh”. Chị em tôi biểu ba

sống khổ quá, bỏ ruộng đi, ông lác đầu, bỏ là bỏ từ mấy năm trước, sống ở tròng, quen rồi. “Tao mà khổ gì, nhiều người còn khổ hơn”.

Cậu Tư “Biết Tuốt” ở đầu xóm kết luận, “Xóm mình nghèo hoài là tại tội đếm”. Mọi người cười cậu “xàm xí” (chú thích: từ mới, chưa có trong từ điển tiếng Việt), hỏi đếm gì mà có tội, cậu nói đếm tôm. Ở đâu người ta trút lủ tôm đổ cái xào vô cần xé, nhày xoi xoi chớ ở đây tại mình đếm mót từng con. Vô con nước, sáng ra nghe nhà nầy hỏi nhà kia hỏi hôm nầy được mấy con là rầu, là biết còn nghèo hoài đây.

Ba tôi làm thơ lại, máu thơ cũng bị nhiễm mặn, ông viết cái gì “Tháng ba. Con tôm co rúm dưới bùn” rồi cái gì “Cà một đời lặn ngụp nông sâu”. Tôi nhớ đại khái vậy, tôi khen “Thơ ba hay, thiệt là mang nỗi buồn lớn lao của người nông dân”. Ba tôi cười, hay gì, mấy ông trong Bộ Tời chê đọc nghe mùi nhưng khó hiểu quá. Cậu Tư “Biết Tuốt” còn biểu sao không làm thơ như vậy, “Bữa nay tôm chết thấy buồn. Ngày mai tôm chết lòng còn buồn hơn”, coi giản dị không?

Giản dị, mà buồn. Trong những câu chuyện về cái chòi “văn hóa” của ba tôi, cậu Tư nổi lên như nhân vật chính. Cậu hơi lùn, dáng đi túc tắc, tóc xoăn, hàng ria mép cục cựa mỗi khi cậu cười hi hích. Cậu nghèo nhưng lúc nào cũng lạc quan tếu, lúc nào cũng nói hơi quá lên, cậu cười nói, “Năm nay chịu khó ăn tết bèo vậy nhưng năm tới khác à nghen. Tôi vừa thả hai chục ngàn con tôm giống, giờ chắc còn cỡ mười ngàn, chừng tháng ba tháng tư tôm trúng bể tay. Tôi đãi mấy ông uống bia mệt nghi”. Trời đất, tôm lội ngoài đầm mà cậu

còn biết còn bao nhiêu hao hót bao nhiêu, làm như “ở dưới” lên vậy, đúng là “tài như Sinbad”. Ba tôi hơi khó tánh, đòi khi cũng muốn chối chơi nhưng nghĩ, cậu là nông dân, nông dân là vậy, khổ như cô Lựu mà không thôi hy vọng. Con người mà tắt hy vọng thì chết còn sướng hơn.

Nên mới vừa ngồi uống trà than thở chuyện nợ nần đây mấy cậu đã bảo nhau, thôi đừng buồn, cũng sống được hà. Tết tới thì ăn Tết. Bộ hồi nào giờ hông biết nghèo là gì sao (nông dân mà không biết nghèo, hỏi ngộ?). Thấy vậy chớ không có sao hết, mót mấy trái dừa ồm nhóm dài nhằng vì nước mặn xuống, lạng ra bỏ đường vô xào qua xào lại là có món mút dừa rồi. Nhà tui còn bịch gừng đém lá kia, mấy ông biểu vợ lại, tui cho. Lựu củ bự làm mút gừng, còn lại mấy củ còi, vụn, mua thêm trái khóm vắt lấy nước ra ngào là thêm được món mút dèo. Ráng tới con nước rằm làm gì không được mấy trăm ngàn để mua trứng, bột nướng mấy ký bánh bông lan, quan trọng là tụi nhỏ có cái để ăn. Con nít mà, có ăn mới vui. Còn tụi mình ba ngày Tết có đi đâu xa đâu, lòng vòng lại nhà nấy chòi kia, nhậu với cá phi xẻ khô, xin nằm ngủ, gió trời còn ngon hơn máy lạnh, sướng như tiên.

Tinh dậy đã là năm mới. Thấy mình tươi mới, thấy bao nhiêu khó khăn trôi qua hết, thấy mình còn ngon lành, còn sức để đi tiếp cái đời nông dân khổ nhọc. Hy vọng con nước tới, lúa tôm tới, mùa tôm tới lại bắt đầu. Cổ tích ngày xưa thể nào cũng có thật. Những con người lam lũ cả đời xứng đáng được trả công.

Ăn Tết như vậy, coi có phải thanh thản hơn người thành

phố không. Tháng Chạp ngoài đó người ta cũng chạy toi bời. Thấy cái gì cũng muốn mua, cái gì cũng muốn có, vật chất thiệt là cám dỗ, làm cho người ta khổ sở không ít. Cũng là dịp người ta buôn bán mà. Nội chuyện quà biếu cho sếp thôi lo cũng ồm. Mua lạp xưởng cá khô thì sợ người ta cười cho toàn đồ bỏ. Mua rượu Tây thì chai coi không được, phải đủ cặp, mà một cặp thì hết lương rồi còn gì. Chưa hết, chuẩn bị quà xong lại mất mấy ngày để chuẩn bị đem đi. Làm sao cái mặt dày dạn cỡ ôbi bán không lúng. Hờ vậy, có khi người ta ngó tay mình chớ có để ý mặt đâu.

Nên thí dụ có ai rủ đổi, người Bộ Tài dễ gì chịu.

## Quán nhớ

**T**rong đám bạn nhỏ cùng xóm, lớn lên tản mác, chỉ nó là người đi xa nhất, cách núi sông đã đành, mà còn cách biển, bên này bên đó không thể cùng một lúc ngắm mặt trời lên. Lâu lắm nó mới về, nó bảo, bây giờ xứ mình cái gì cũng khác, nhờ có tình bạn tụi mày mà tao còn biết đường về, nhờ một thứ nữa là cái tiệm tạp hóa của dì Hai, may, cứ nhìn tiệm đó mà tao không lạc.

Lối sống văn minh không làm nó quên tiếng “tiệm” ngày xưa, ngày mà cả nó và tôi còn nhỏ xíu. Ngày nào má nó cũng kêu thằng Út ơi, thằng Út à, chạy lại đằng tiệm mua giùm má chút đồ. Buổi sáng chạy mua tương, mua củi về nấu bữa cơm sớm cho má nó lót lòng đi phụ hồ, ba đi đập xích lô. Trưa cả hai người về, nó mua đường cát về khuấy một ca to tương nước chanh, cả nhà xúm lại uống cho đỡ mệt. Chiều xách chai mua dầu về thắp đèn, bữa nào ba nó vui, muốn nhâm nhi với mấy ông bạn, nó đong thêm xị rượu. Nó biết đi tiệm mua đồ từ lúc còn chưa nhận biết mặt cửa tờ giấy



bạc, ở nhà đưa tiền, nó chạy lại xòe ra mấy tờ bạc bèo nhèo đưa dì Hai, “Má con dặn mua hết bi nhiêu đồng muối”. Dặn mua ít món còn nhớ, dặn nhiều nó phải vừa đi vừa nhấm, gặp cái chạc cây, vấp ngã, quên mất, lại phải méo máo chạy về hỏi lại. Ở nhà sai biểu cái gì còn mê chơi, dùng dằng chứ bảo đi tiệm là nó te tái đi ngay. Mua món đồ còn dư một vài trăm, thế nào dì Hai cũng thối lại bằng mấy cục kẹo chanh, kẹo dứa xanh xanh đỏ đỏ, ngọt dai đẳng cả một tuổi thơ của đám con nhà nghèo.

Tiệm tạp hóa của dì Hai cất dựa mé sông. Nhà nhỏ, hàng hóa chất đầy ra lối đi, treo lùm chùm liú đíu không thấy được đầu người. Nhỏ vậy, chật chội vậy mà dường như hỏi món gì cũng có, gạo, củi, mắm muối thì nói gì, tiệm có cả những thứ năm khi mười họa mới bán được một lần. Chen chúc nhau những kệ cao, kệ thấp, thùng nhỏ, thùng to, hũ sành, hũ mù... không có cái thứ tự nào cho món lớn nhất như sịa nia thùng mủng, nhỏ nhất như cục đá lửa, cái dao lam... Bạn tôi nói với tôi rằng, mười mấy năm qua, mỗi lần bước vào những siêu thị hàng hóa bày bán hào nhoáng, nó vẫn thường nhớ tới tiệm của dì Hai, nó nói có một cái gì đó đầy sự sống, ấm áp trong cái quán hàng bẽ bộn, hỗn độn của dì. Nên nhớ nhiều lắm. Nhớ chùm cốm gạo treo trên vách, mấy cái kẹo đựng bánh kẹp, bánh men, cái diệm đựng củi muối để kê bèn rổ hột vịt, ở góc nhà là thập đường mía vàng ươm óng. Một lần nó lên lấy tay mút thứ, dì Hai rầy, “Cái thằng, sao ở dơ ở dáy vậy con, sao không nói để đi lấy dao xắn cho”. Nó còn nhớ nắp đậy trên cái lon đựng tiền lẻ của dì lúc nào cũng dính dăm dấp

bột gạo, bột củ năng. Qua bao nhiêu năm rồi, nó vẫn thối mốc, tự hỏi, làm sao di nhớ rành vị trí từng thứ hàng hóa trong tiệm của mình, để người ta hỏi cái gì, di lẹ làng, phăm phăm lòi ra ngay thứ ấy, mà từ cái chỗ đôi khi ta không ngờ tới. Tôi cười, với di, cái tiệm đó có một trật tự riêng, tụi mình không biết được đâu.

Bởi di đã mở tiệm hàng nấy từ lúc chúng tôi chưa được sinh ra. Có vài ba cái tiệm như thế cho xóm lao động nghèo nhưng không cái nào lâu đời như tiệm của di. Mỗi gia đình trong xóm nhỏ nấy, ai đi ai đến di rành hết thấy. Buôn bán lâu năm, di còn thuộc rành nét ăn, xài của từng nhà. Như cậu Ba chỉ thích ăn bí hầm dứa với đường mía, vừa ngọt vừa thanh, di chín mê món cháo trắng ăn với củ cái xá bầu, sáng nào cũng nấu, nhà mợ Bảy thích xài xà bông bột hơn loại kem... Với cư dân trong xóm, khi đã vượt qua được đặn cơm ngày hai bữa thiếu trước hụt sau, ai cũng tự hỏi, hỏi đó sống sao được nếu vắng những tiệm buôn bán lẻ trong xóm mình ha. Làm ngày nào đủ chi ngày ấy, đủ hai ký gạo, hai trăm đồng muối, năm trăm đồng đường, với bột ngọt, tương, chao... lất nhát, vụn vặt, không người bán biết mua ở đâu. Rồi mấy đứa con gái đến độ đoảng như tôi vất vả biết chừng nào, đôi khi không lấy được chồng chứ không phải chuyện chơi, vì lâu lâu vô bếp một lần, đang nấu canh, kho cá, tá hỏa lên trong nhà hết đường hết muối, sai đứa con nít chạy lẹ ra tiệm mua về nêm vẫn kịp, thiệt hú hồn, may quá. Lớn lên, xa nhà, đi rày đây mai đó, nhớ về xóm cũ, từng cái cây ngọn cỏ, con đường đường như mỗi thứ đã trở thành một phần đời... Cả cái tiệm

tạp hóa bình dị, mộc mạc của người đàn bà góa chồng hiền hậu mà cả đời chẳng đứa nào quên tên gọi: dì Hai.

Nó lại thăm, dì Hai than lúc này già cả rồi, con mắt ngó không thấy đường, đêm nào cũng nghe đau nhức mình mẩy. Dì nắn bóp tay nó (cái bàn tay chuyên môn lên quẹt đường mía ăn), khen lúc này con lớn quá, mập ra. Nó cười, thì mười mấy năm rồi còn gì, xóm xưa trở thành phố thị, hàng quán tíu tít mọc lên. Mọi thứ đã đổi rồi, sao dì với cái tiệm của dì không thay đổi gì hết vậy? Dì Hai cười, nếu cái gì cũng đổi hết thì bây biết đường đâu mà về.

Tôi thấy chút xíu nữa nó đã rót nước mắt. Nó nén lòng, mếu máo cười, bảo: “Lâu quá, hổng ăn kẹo của tiệm dì Hai, dì bán cho con năm trăm kẹo đi, dì!”. Dì cười, “Cái thằng, buôn bán gì, lâu lâu con mới về, dì đãi”, rồi dì lụm cụm lấy cho nó một vốc kẹo dứa.

Hồi xưa nó cùng mẹ chỉ mỗi món kẹo dứa, mẹ tới mức cả hàm răng sún hết trội.

## Chợ bên đường

**G**ióng như đồng lúa rơm nghi ngút khói bên đường, những cái chợ nhỏ làm ấm lòng kẻ rong ruổi trên những con đường đầy bụi và sương, nắng và gió.

Chờ đợi ngọt hai mươi lăm năm sau chiến tranh, Cà Mau mới có đường về năm huyện. Những con đường còn hoang vắng, thô sơ. Một mình một ngựa... nổ chạy rong chạy ruổi lóc cóc xuyên qua những cánh đồng gốc rạ tươi thơm, hai bên đường là bờ sậy, bờ chuối rậm rì. Làng quê yên ả. Những ngôi nhà im sấm buổi sớm mai. Người lớn ra đồng, trẻ con ngồi đọc é a bên cửa sổ, mấy con chó còi<sup>1</sup> lông vàng lem luốc vừa ngựa cổ sủa rân trời vừa rối rít đuổi theo đằng sau xe, lòng tự dung thấy lạc lõng, cô độc lạ lùng. Rồi chợ, chợ trước mặt, ôi ấm lòng làm sao những ngôi chợ nhóm bên vệ đường.

Chợ lúc nào cũng nhóm ngay đầu cầu, trước cơ quan xã

---

1. Chó còi: tiếng địa phương, chỉ chó gầy ốm, còi cọc.

hay đầu cống đá vào xóm kinh. Như người phụ nữ chân què, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trầm tính dịu dàng. Mấy rổ hàng con con, mười người phụ nữ tay lấm áo lem ngồi với nhau là thành chợ, đông nữa, hai ba mươi người cũng gọi là chợ. Không cần lặn lội khuya lơ khuya lác như đi chợ thị xã, cứ chờ cho sáng ra, bắc nồi cơm lên bếp cái đã, rồi dùng đinh xách hàng ra chợ. Đã hiểu nhau về hết thảy nỗi nhọc nhằn nên người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đánh đá chua ngoa như kẻ chợ, hình như họp chợ chỉ để trao đổi, san sẻ với nhau những gì mình có. Bán đi những trái dưa khô để mua lại mớ rau càng cua về trộn dầu giấm chấm mắm kho, bán mấy trái khổ qua đắng để mua ít đinh cải bẹ xanh về nấu với mớ cá rô mẻ mới giăng lưới được sáng nay. Cà cá, cà rau, cà trái đều bán theo mớ, hiếm hoi lắm có dì có được cây cần đòn loại 12 ký, trái cần lò dò đặt trên cái đòn đã mòn những khía, tỏ con mắt cũng không thấy số ký nằm ở đâu. Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đong đo, lòng người ta tin nhau đầy ắp kia mà. Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần nước, cần rừng. Bày ra đó, không phải chăm chăm trông chừng hàng hóa, chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện hàng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết). Thành ra chợ không chỉ để bán gà, bán cá, bán rau củ trong vườn nhà mà còn gói gắm thông tin cho nhau nên chợ ít người mà vui, mà thấm đượm nghĩa tình cũng vì lẽ đó.

Chợ không chỉ độc đáo vì bản sắc bình dị, nó còn độc đáo ở những mặt hàng mà nó bày ra. Thì mớ tép rong ôm

một bụng trứng xanh rờn còn ướt rượt nước mới cất vó từ dưới kính lên đó, thì mớ cá lòng tong, lìm kìm, cá mè con con nhảy tung nhảy tóe, nhảy đến tróc lớp vảy óng ánh ra, thì kia, rổ trái giác<sup>1</sup> trái tròn tròn, bóng mẩy như viên đạn cu ly<sup>2</sup>, rồi những cọng năng trắng muốt thơm ngai ngái mùi bùn, mùi nước trên đồng... Những thứ nấy, ở thành phố có thêm cũng chịu thua, có lang thang hết chợ nầy sang chợ khác tìm kiếm tảo tần chưa chắc có.

Trên những con đường mới mở còn lơ thơ nhà, lơ thơ hàng quán, đi một đoạn xa ới là xa, thêm hơi người thì gặp chợ, hỏi làm sao không vui. Qua chợ bên đường, lóng ngóng, thôi, làm như mình chưa biết gì về luật giao thông, không nhóm chợ nơi đây thì nhóm ở đâu bây giờ, đường sá chờ mấy mươi năm mới có, phải kéo nhau ra đó ngồi buôn bán, phô bày bộ mặt tươi mới của nông thôn, tiện thể dòm xe qua lại cho vui chớ. Bây giờ có kéo nhau xuống đập dưới kia mà nhóm chợ, anh bạn mình làm sao mà trông được cái cổ cao cao, cái cười giòn tan, tươi tắn của cô nhỏ bán hàng, rồi nhớ hoài, nghe ngọt ngào hoài? Thì ra, giữa những quãng đường xa ngái, chợ còn có nhiệm vụ là nhóm lên một bếp lửa đời, cho cuộc hành trình bớt xa đi.

---

1. Trái giác: loại trái mọc hoang, nhỏ bằng đầu ngón tay cái, khi chín có màu đen, có vị chua, thường dùng nấu canh chua.

2. Viên đạn cu ly: viên bi thủy tinh mà trẻ con thường chơi.

Tôi lần nào qua chợ cũng giật mình, làm như gặp lại người nào đó, mà lâu lắm rất quen nhau. Hình như má, hình như chị, mà hình như giống hệt mình đang ngồi đó, quanh mình ngọt ngào buổi sớm mai trong.

## Ngậm ngùi Hưng Mỹ

Hôm trước gặp chị, chị khoe đang viết cái ký “nhớ đồng”. Tôi hỏi vặn chơi, nhớ đồng là nhớ những gì, chị cười buồn, nhớ lúa, nhớ vườn, nhớ dòng nước ngọt ngào năm cũ. Nhớ cái hồi dân xứ chị nghèo nhưng trong bồ có lúa, ngoài vườn có rau, dưới ao có cá, hồi nghèo mà thanh thản, chưa phải chịu cảnh nợ nần chồng chất đến nổi, hột muối, chén cơm, chai nước mắm bà con ăn đều là từ tiền vay hết.

Thú thật là hôm ấy tôi đã cười thầm trong bụng, nghĩ, làm gì mà khổ dữ vậy, chắc cái chị nầy nói quá lên. Nhưng rồi tôi đã đi Hưng Mỹ, chị à. Ở đó, tôi then thò nhận ra, Hưng Mỹ là đây, Thị Tường là đây, cái quê xứ anh hùng nầy chẳng có gì khác xa lời chị kể.

Hưng Mỹ quê chị nằm giữa Phong Lạc và Phú Mỹ, ba xã vòng tay quây lấy Đầm Thị Tường. Đây là vùng căn cứ nổi tiếng hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Anh là người Cà Mau, nếu anh từ hai cuộc chiến tranh thần thánh ấy ra, hẳn anh còn nhớ cái vị ngọt đậm của những hạt cơm được gặt



từ những cánh đồng quê xứ nầy. Nhớ những người dân áo vá, chân bùn nhưng một lòng theo Đảng, theo cách mạng. Nhớ hàng ngàn cái hầm đào dưới những vườn dứa bạt ngàn mà người Pháp, người Mỹ không tìm được lối vào vì miệng hầm nằm trong trái tim mỗi cụ già, em nhỏ. Họ dũng cảm, kiên cường, hào sảng rộng rãi mà cũng rất giỏi giang. Chúng tôi tin rồi, chị ơi, thương quá chừng bà con Hưng Mỹ, nhất là những người mẹ, người chị, khách vừa đặt chân đến thăm nhà đã hối hả bắc nồi cơm lên bếp, biểu "Làm gì làm cũng ăn bậy ba hột cho vững dạ nhen con". Lời mời tình cảm, hồ hởi đến mức mình khôngỡ chối từ, dù cái thanh âm của cái lon sữa bò chạm vào đáy thạp gạo nghe cồn cào, xót xa trong bụng.

Thương quá chừng bà con Hưng Mỹ, chị Ngờ ơi. Ba mươi tháng tư nầy nữa, là tròn hai chín năm hòa bình, con đường quốc lộ về ngang qua xã vẫn ca hoài bài "Đường chỉ đẹp khi còn... dang dở", xã có 3.911 hộ đã ngót 251 hộ nghèo, 13 ấp thì một ấp rưỡi chưa có lưới điện. Ai sai ai biểu mà cái nghèo vẫn còn tận tụy với Hưng Mỹ dữ vậy không biết.

Thì tôm chết triển miên, chết suốt ba mùa chuyển dịch rồi, hỏi dân làm sao không nghèo. Ở ấp Rau Dừa C, thậm chí chẳng có được con đường lành lẽ để nối các xóm với nhau, nên ấp giống như một cái đảo nhỏ. Mùa mưa, nước ngập các mương ranh, mỗi nhà là một ốc đảo nhỏ hơn. Những năm 68, 72, nơi đây là căn cứ cho nhiều cơ quan trọng yếu của tỉnh như Dân y, Quân y, Binh vận, Ban chính trị Tỉnh đội... Với cách mạng, chén cơm bà con từng xẻ nửa, hạt muối chia đôi, vậy

mà giờ đây, cái cảm giác bị quên lãng đau đáu trong lòng. Coi lại, Rau Dừa C chưa có công trình phúc lợi công cộng nào gọi là được con mắt. Đường không, cầu cũng không, có ngôi trường tiểu học dựng tạm bằng cây lá tạm bợ từ hồi bão số 5 giờ đã bệu xệu như răng ông già, mùa mưa, trường ngập lụt mất cả học trò. Coi lại, những người đã từng sống, chiến đấu ở đây đã chẳng ai trở về thăm, để cùng ăn với nhau nồi cháo cá, cùng uống với nhau ly rượu, nhắc chuyện xưa, cái hồi bà con Rau Dừa mình nghèo mà tốt quá trời đất... Chẳng ai trở lại...

Bây giờ đất nầy còn nghèo hơn trước, cái nghèo lừa mị người xứ xa, lừa mị những ông quan kinh lý ư kiểm tra lột lột. Chú Sáu Tấn, nhà ở Kinh Ngang báo, “Trời ơi, cô đừng thấy bà con cất nhà mái tôn mới cáu, dưới bến có xuồng có máy mà lắm tụi nầy giàu, cô phải vô tới trong bếp để coi hũ gạo, coi túi tiền của tụi tui. Nó trống trơn thôi. Coi cái vô vậy chứ trong ruột tan nát hết”.

Nhà chị Võ Thị Nga nằm trong số đó. Ba năm chuyển dịch, tòm chết triển miên, nợ hơn mười triệu ở ngân hàng. Không sống được trên năm công ruộng nhà, chồng chị làm thợ mộc kiếm tiền mua gạo. Anh vái hoài, vái trả hết nợ anh cạo đầu, rúi quá, tới bây giờ tóc vẫn còn nguyên. Anh chị có bốn đứa con nhưng ba đứa đã thôi học. Chị chỉ cậu con trai đầu lòng của mình, giọng rười rượi, “Tội nghiệp thằng nhỏ, học hết lớp mười hai rồi mà không có tiền, tui bắt nó nghỉ. Tương lai của nó, tui coi như xong rồi”. Trí tật nguyên do sốt bại liệt hồi sáu tháng tuổi, biết mình không làm được việc đồng

áng như người khác, em dồn sức vào việc học. Nhưng cái mơ ước trở thành bác sỹ đã tan mau như mây, phù phàng như chẳng có cái hồi mẹ công em tới trường ngày hai buổi, như chẳng có những đứa em tình nguyện nghỉ học để cha mẹ dành dụm cho anh... Chị Nga rần rần nước mắt, “Còn nhớ Út, con nước nào cũng vái ông bà phò hộ cho trúng vương để được đi học tiếp. Mà, hồng biết chừng... Hồi sáng nầy bán tôm được 24 ngàn, có nhiều đó mà phải lo gạo, dầu hời, nước mắm, đưa ông chồng tui bỏ túi đi làm chỗ xa, hời tiền đâu cho nó... Tui làm mẹ mà, đau chớ sao không, cô?”.

Gần đó một đối đường là nhà chú Bảy Chà, được coi là nghèo nhất ấp. Đó là một căn nhà nhỏ và rách tả tơi đến mức khi bước vào tôi muốn rơi nước mắt. Nhà có ba bộ vật vớ vẩn bằng ván vụn chừng bốn lớp, hai cái võng cũng tua tũn như xơ mướp. Chú nói, “Trận mưa đầu mùa hôm rồi, tụi nhỏ ướt hết, phải cuốn mùng chạy. Mà, chạy chỗ nào cũng dột”, rồi chú nghẹn lại, “Khổ như chó...”. Tôi bước vào gian bếp ngoi ngóp khói, ngó nồi cơm trộn khoai bắt đầu lên tim. Gia đình chú Bảy không đất canh tác, sống bằng cách làm mướn, làm thuê. Mỗi tháng, thím Bảy lĩnh tiền chính sách (chồng trước của thím là liệt sỹ) được 150 ngàn. Hồi cô con gái tên Trang đã học tới lớp mấy rồi, cô cười, nghèo quá, mấy anh em em hồng ai biết chữ. Rồi cô lặng lẽ nhìn ra sân, chỗ những đứa trẻ đang chơi, lê lét cái mông trần trên đất, tóc cháy vàng, gầy gò, khô khốc. Hồi anh Nguyễn Đồng Khởi – trưởng ấp Rau Dừa C về việc nhà chú Bảy chưa được cấp sổ nghèo, anh trả lời, “Các ấp khác trong Hưng Mỹ mình đã

có rồi, nhưng riêng Rau Dừa C vẫn chưa. Tại sao mà kỳ vậy hả? Tại hồi làm thủ tục, Ban chính sách nhập nhầm làm lộn hai cột *thoát nghèo* với *còn nghèo* nên phải chờ làm lại". (Ở đây cũng có vài chuyện hơi bị... lằng xẹt hả, chị Ngờ, thí dụ như chuyện kéo điện, một xóm nhà lẻ ra phải cắm hai mươi cột nhưng dự toán thế nào chỉ cắm có mười tám, thành ra còn sót lại một khúc xóm, bà con phải xúm nhau tự mua điện giá trên trời mà chất lượng thì ở dưới đất).

Buồn cười, tới đây thì con Tư "lý trí" xuất hiện và chúng tôi cãi nhau. Cứ mỗi lần được nghe những quan điểm trái ngược nhau từ người dân và chính quyền, nó lại tới "để giữ cho bạn thật tỉnh táo. Tụi viết văn hay sống theo tình cảm, có lúc cũng không nên". Nên thấy cái cảnh tôi sục sục cảm thương, nó nháy xỏ vào, "Ở xã người ta nói ông Bảy nẩy nhậu nhẹt tối ngày, mấy đứa con thì hỗn hào, phá làng phá xóm, đừng thèm thương". Tôi hỏi, "Nếu bạn là chú thím Bảy, sinh ra những đứa con như vậy, bạn có buồn không, Trang hơn hai mươi mà thân hình như mười ba, mười bốn; Dương mười một tuổi mà thua cậu bé lên năm. Nhà lại nghèo như vậy, hỏi chú có buồn không? Và nếu thiệt những đứa trẻ nẩy không được tử tế lắm, có phải vì chúng thất học, chúng thiệt thời không?". Con Tư "lý trí" im lặng, nhưng nó không chịu thua, nó đang tìm lý lẽ để tranh luận tiếp, tranh luận dài dài.

Nên chúng tôi vẫn phải lờm lờm ngó nhau khi nắng cuối mùa đang đỏ ủa trên đầu, chúng tôi vòng qua chợ Rau Dừa đi Thị Trường. Cái áp Thị Trường của chị Ngờ của mùa gió chướng, của những bờ kinh bông so đũa nở trắng trong ký

ức của chị đây, chị Ngờ ơi. Mà, thiệt buồn thay, cũng là Thị Tường làm tôm thất bát nhất trong số 13 ấp của Hưng Mỹ. Cả ấp có 365 hộ hết 105 hộ nghèo, năm nào huyện cũng lên cứu đói chừng năm ba chục hộ. Học trò từ cấp hai trở đi bắt đầu bỏ học, đi làm mướn, mà cũng phải làm mướn xứ khác, chứ đất nầy ai cũng như ai. Nhiều thanh niên của Thị Tường bây giờ đang ở biển, ở rừng, mỗi mùa gió chướng rao rao lại cồn cào nhớ quê xứ. Tôi nhớ có lần hỏi chuyện làm ăn của bà con ở quê nhà, chị nói, "Hồi đó Thị Tường có "ba không", không theo giặc, không bỏ Đảng, bỏ cách mạng... bây giờ "tùm lum không". Không gạo, không tiền, không cá, không rau cỏ...". Môi trường nước mặn quá khắc nghiệt, người ta sống còn muốn le luói, nên gà vịt chim cò cũng vắng hoe. Qua nhà anh Tám Hải, thấy vẫn còn cặm cái bảng bán đất, nghe kể thì đã dựng bảng hơn một năm rồi, chẳng thấy ai tới mua, nghĩa là số đó vẫn ở ngân hàng, nghĩa là món nợ sáu mươi triệu vẫn còn nguyên tròn đó. Chúng tôi ra chỗ Mũi Ông Lục, chỗ mà chị đã từng gọi là "đất trắng", mà thương chị thật lòng. Ở đây, cái thứ lau sậy lì lợm là vậy mà ngó bộ sống cũng vất vả. Chúng xơ rơ cháy đến phai cả màu vàng, chỉ thấy thân sậy trắng bệt ra, rụi ngọn trên những bờ đất khô nẻ. Không có một thứ cây nào khác sống ở đây ngoài những đám lau sậy nầy, nên trắng đất hoang vu tràn đến những bìa dừa xanh thăm đàng phía chân trời. Nước dưới kinh trong tới đây, thấy cả mấy con cá óm nhằng lội tới lui. Khu vực nầy gồm 251 héc ta, trước đây đất hoang hóa, cây tạp mọc thành rừng, máy bay Mỹ rải thuốc mấy lần, đất trở thành đất trắng. Anh Vương

Thanh Dũng, trưởng ấp Thị Tường cho biết, “Chỗ này bà con mình cũng vừa vào đây khai phá hồi năm 80, 81. Nghe mấy ông kỹ sư nói cái thứ phèn này độc dữ lắm, nên hồi làm ruộng cũng thất te tua, lúa bắt đầu trở là queo ngọn, chết queo. Năm 99, nhà nước làm thủy lợi múc đê Ông Lục, dân Ông Lục năm đó mừng húm, vì làm lúa bắt đầu trúng. Nhưng cũng được có một năm thôi, bắt đầu chuyển dịch, bà con còn nghèo dữ hơn trước... Mới đây chừng hai tháng, ở Sở Thủy sản cũng có người xuống, nghiên cứu coi đất này hợp với cây gì, con gì, quy hoạch ra làm sao để tính lại con đường sống cho bà con. Mà, chắc cũng lâu...”. Và sự chờ đợi đã mòn mỏi, nên trong xóm đã có người cho mượn ruộng với giá rẻ để qua U Minh thuê đất ruộng. Nói chuyện mượn đất, anh Dũng kể cái hồi Cái Nước bắt đầu chuyển dịch, dân Đầm Dơi chạy qua mượn ruộng quá trời, tương bên này cũng ngon như ở bên, nhào vô Mũi Ông Lục chừng năm rưỡi đã chạy mất, chạy không kịp trả đất. Rồi anh chùng giọng xuống, “Tui thấy phải làm thủy lợi cho ngon dân mình mới có cơ hội thoát nghèo cô à”.

Tới đây thì chúng tôi lại cãi nhau nữa, chị Ngờ ạ. Con Tư “lý trí” nó nói thiếu điều văng nước miếng, “Bà con cứ đổ thừa thủy lợi kém nên tôm chết, nên nghèo hoài là không phải. Ngay từ đầu Hưng Mỹ cũng như Cái Nước làm đề án là vụ lúa vụ tôm, tui nói đúng hôn? Nhưng bà con mê tôm quá nên bỏ bê cây lúa, nên đất bạc màu, nguồn nước bị ô nhiễm, nên tôm lụi đầu, nên hỏng có gạo ăn, tui nói đúng hôn? Đó, anh Huỳnh Công Trí, chủ tịch xã cũng có nói đó, bây giờ đã nghèo túng, nợ nần như vậy mà bà con còn dửng dăng chưa chịu

làm vụ lúa vụ tôm. Bà con sợ làm lúa rồi cực khổ hôm sớm chớ gì, tui nói đúng hôn?”.

Tôi không tranh cãi gì hết, tôi hỏi, “Bạn còn nhớ cái kinh Ngang chỗ nhà chú Sáu Tấn mình vừa đi qua không. Mùa nầy, kinh cạn chỉ còn non một thước. Xuông chạy qua, sinh cặn cồn lên đục ngầu, nước nầy thì làm sao bơm vào đồng đây. Ngược lại, bà con cũng không thể tháo nước, xổ phèn khi mực nước kinh thấp hơn cả trong ruộng. Nên bạn thấy đó, những cánh đồng trơ nê đất như người ta bắc cái chảo lên bếp rồi kho cho cạn. Làm sao tôm không chết thành dịch khi người nầy vừa bơm nước ra, người khác lại lấy nước vào? Ba tôi làm ruộng ở Rạch Bộ Tời, đêm nào cũng cạnh chờ con nước lớn nửa đêm, cả xóm kinh rủ nhau ra tát, năm cái máy bơm hút nước chừng nửa giờ đồng hồ, rạch đã cạn trơ lòng. Rồi ai nấy ngồi thừ ra, muốn khóc. Nhà nước còn nghèo, lại thương hết thầy mọi người, nên nạo vét dần trải ra, không đồng bộ, có con kinh ngang được mức nhưng hai kinh dọc thì không nên nước khó chảy tới lui. Hệ thống thủy lợi như vậy thì làm gì cũng khó, kỳ công rửa mặn, tháo nước để trồng vụ lúa trên đất nuôi tôm còn khó hơn. Vì chi phí cao lắm, tiền đâu?”.

Tiền đâu khi nợ cũ vay để cải tạo kinh mương hồi mới “chuyển dịch” bây giờ vẫn còn nguyên đó, trả lãi còn vất vả đừng nói chuyện hoàn vốn để vay lại. Người dân Hưng Mỹ nợ ngân hàng trên ba mươi tỉ đồng, hy vọng trả được rất xa xôi, mờ mịt. Anh Nơ, chạy đò bao ở chợ Rau Dừa kể, “Ông Trọng ngoài Ngân hàng Công thương vô đây hoài

chớ gì, chả biểu tui chạy đưa đi lòng vòng để đòi nợ. Riết rồi tui biểu, thôi cha nội ơi, đi hoài cũng đâu có được gì, rồi mắc công cha nội cần nhằn cứ như. Coi cái cảnh bà con ở đây, chạy gạo từng bữa còn đuổi nói chi trả nợ”.

Nên có người lên tiếng, phải chi nhà nước chịu lấy đất trừ nợ, tôi buông xuôi cho rồi. Chớ bây giờ, nhớ tới nợ, ăn ngủ không yên, lúc nào cũng thấy bồn chồn.

Chị Ngờ ơi, tôi có cảm giác cái nghèo giăng ra sẵn những cái bẫy mà bà con nông dân mình đi lẩn quẩn thế nào vẫn quay về ngay trăn chỗ ấy. Những người tốt, những người lam lũ cả đời chẳng được (hay chưa được) đến đất.

Nhưng lạ là không bao giờ họ tắt đi niềm hy vọng, chị ạ. Bà con khoe với tôi, nghe râm ran mùa tôm về dài theo mé Đầm Thị Tường bên Phú Mỹ, bên đó mấy năm nay cũng khó, nhưng bây giờ coi bộ đỡ lắm rồi, nghe mấy ông thầy coi nước nói năm nay tôm tép khá lắm đây. Tôi chưa mừng tượng được về mấy ông thầy coi nước, không biết có giống thầy bói không, không biết có phải là những lời an ủi, vực nhau đứng dậy rồi bị đốn đại ra không nhưng tôi biết ơn mấy ông lắm lắm, khi nhen lại cái khát vọng sống trong lòng người Hưng Mỹ.

Ờ, sống để mà bước tới.



## Nguyệt – người bạn không biết viết văn

Với bạn học cũ, tôi luôn luôn dựng lên cảnh ngày gặp nhau thật huy hoàng, bữa đó có thể là ngày họp lớp, đám học trò xưa vừa ăn tiệc đứng vừa nhắc kỷ niệm ngày xưa. Nhưng tưởng tượng cách xa thực tế, tôi gặp Giàu ở bến tàu, nó chạy xe ôm, gặp đang lúc nó đang đỏ mặt tía tai giành khách, nó giật gió xách tôi, thiếu điều bỗng tôi quăng lên xe của nó. Tôi gặp Tiên đang làm kế toán viên của ngân hàng, bữa tôi lại làm thủ tục vay vốn, nó cứ càu nhàu, sao cái hình trong giấy không giống người ngoài đời, còn mặt ruồi dưới cằm đâu? Bữa gặp Nguyệt cũng bất ngờ, tôi uốn tóc ở tiệm cạnh nhà Nguyệt, nó nhận ra tôi trước, chạy ào qua, nắm tay tôi lắc lia lắc lịa, mừng thôi là mừng, trong lúc con bạn nó đang ngượng nghịu với cái đầu chôm bôm, tóc tai cuốn từng cuốn như chả giò (Đáng lẽ mình nên xuất hiện trước mặt nó bằng dáng vẻ thanh lịch, tươm tất hơn mới phải

– người viết văn mà). Nó bảo, trời ơi, đúng là con Tư thiệt rồi, lâu quá không gặp.

Rồi nó kéo tôi về nhà mình, tắt tả bung ly nước lọc ra, miệng riu rít hỏi tôi lúc nãy làm nghề gì, tôi nói viết văn, nó à ra rồi nói với cái giọng tội nghiệp xót xa cho phận con bạn bè bàng:

– Vậy à, ờ, ráng đi, ai biểu hỏi nhớ mấy giỏi văn làm chi.

Lời của nó thiệt tha đến nỗi làm tôi tin rằng mình tội nghiệp thiệt, thấy thương quá đi. Người không viết văn sướng hơn mình nhiều.

Thì chuyện của Nguyệt chứng minh điều đó, nó sống vui lạ lùng. Nó bảo, trái tim nó chia ba phần tươi đỏ, “Cuộc đời tao dành cho anh phần nhiều. Phần cho con, phần để cho... phim”. (Tôi ngờ rằng nó cái biên thơ của Tố Hữu). Hai mươi ba tuổi nó lấy chồng, lấy ngay người yêu đầu tiên và duy nhất, không phải tơ tưởng chọn lựa người nầy người kia, không phải lúc nào cũng lơ mơ, thấy thằng nào cười đẹp đẹp là... muốn yêu thêm nữa. Nguyệt thì chỉ cần chăm chăm thương một mình chồng, rồi bây giờ thêm đứa con trai vừa đủ tuổi vô mẫu giáo. Chuyện chi xài trong nhà thì không phải lo, anh chồng làm chủ một cửa hàng máy văn phòng gánh hết. Một ngày Nguyệt lo cơm hai bữa, lo tắm cho con cũng hai lần thêm một lần lo chuyện ngủ cho chồng (Nói tới chuyện nầy nó cười lớn lên bí ấn lăm). Nó giỏi giang, chu đáo, làm việc nào ra việc ấy (chắc là vì không biết viết văn như tôi?). Nấu món nào chồng cũng thích, bạn bè chồng tới nhà hai năm sau còn nhắc bữa ăn cá lóc luộc mè nghe ngon

tối bây giờ. Chủ nhật nấy làm bánh xèo, chủ nhật sau nấu bánh canh, Nguyệt đem cho cha mẹ hai bên, ông bà già cảm động quá chừng, con nhỏ thiệt siêng, hiếu thảo, ngoài chợ bán thiếu gì, làm chi cho cực, con. Nó cười, ra chợ mua không có lòng bằng chính mình bó công làm. Họ hàng hai bên có giỗ quây, nhấn là nó tới, phụ nấu nướng một tay. Một ngày bình thường bắt đầu từ việc đưa con đi nhà trẻ, nấu cơm xong, thời gian chờ chồng tan sở, nó ủi đồ lớn đồ nhỏ trong nhà, thay dây thun lưng quần cho con, đem lại nút áo chồng, rảnh rỗi coi phim bộ Đài Loan. Nó nói nó không thích phim Mỹ, khó hiểu lắm, hổng giống phim Đài Loan, coi lần nào cũng khóc muốn chết. Tánh nó là vậy, trong sáng, chân chất, chuyện trong phim mà nó định ninh như ở ngoài đời, như thế xảy ra ở trong xóm nó, kế nhà nó. Cảm giác đó lâu rồi trong tôi không còn nữa, tôi rành sáu câu cách xếp đặt, dàn dựng bi kịch, nghề viết văn cũng gần giống vậy mà.

Nên Nguyệt tội nghiệp tôi là phải rồi. Làm sao tôi có thể sống thanh thản, thoải mái như nó, thí dụ như đi chợ, gặp đứa bé ăn xin, nó thương quá móc tiền ra cho rồi thôi, Nguyệt chẳng cần tự hỏi chắc là có một bi kịch nào đó trong nhà đứa trẻ đã đẩy nó ra đường. Không biết cuộc sống nó thế nào, đêm nay nó ngủ đâu? Tương lai nó sẽ ra sao? Nguyệt nhìn con chim bay qua mà không phải nghĩ tầm phào, tại sao con chim nó bay có một mình, chắc cha mẹ nó bị bắn rồi, lúc nãy người ta săn chim, hủy hoại môi trường dữ lắm. Những bữa tối nó thanh thản đi dạo phố với chồng, con, ghé ngã Năm chợ mua

bong bóng bay, hay ăn cháo trắng hột vịt muối, tôm lại là không suy nghĩ gì hết, vui trọn cả tấm lòng. Còn tôi lúc nào cũng nghĩ nhiều lắm, toàn chuyện trời ơi đất hỡi, nghĩ coi cho ông nọ gặp rồi yêu bà kia như thế nào, nghĩ coi anh lính đó sẽ chết trong tư thế nào, con nhỏ nầy hành động làm sao khi thấy cha nó lấy má ghè...

Nguyệt thì không biết viết văn, hồi nhỏ, nó dốt nhất là môn nầy. Cô Thủy chê nó thiệt tình quá, không biết tưởng tượng mộng mơ, bay bổng. Vậy mà hay, tâm hồn ở dưới đất nên nó biết thit heo đùi trước mềm hơn đùi sau, cá kèo kho xối ngon hơn kho mặn, còn cá chốt rửa bằng dầu ăn vừa sạch nhớt vừa mềm, hãm mấy lửa vẫn ngon như thường, nó biết gạo Tài Nguyên ngon hơn Nàng Gáo, quần áo đồ đồng ở chợ phường vừa tốt vừa rẻ. Nó biết nhiều sự kiện của đầu trên xóm dưới, nhờ thu lượm được của con nhỏ làm móng dao, rồi quan tâm, bàn tán như thế chuyện của nhà mình.

Nên lần gặp lại nầy, toàn là Nguyệt nói, tí tí chuyện dưới đất trên trời, luôn cả chuyện chính trị, nó chê tổng thống Mỹ không đẹp trai, mặt mày xương xấu, quạu quọ, nó thương chủ tịch M. vừa mất chức, tội nghiệp, hồi trước giờ nhờ ông mà cả xóm ít khi bị cúp điện, đường sá cũng được sửa đàng hoàng. Rồi Nguyệt nói dài tới chuyện nhà, chuyện nó nhân chồng đi nhậu khuya, thằng con hồi hôm nầy đái dầm nhưng tuyệt không nói tới văn chương, chẳng hỏi nhau lúc nầy viết được không, nhiều ít, truyện vừa rồi đạt không, rồi ngồi chê búng chê beo tiểu thuyết mới của ông C. nào đó như am hiểu lý luận phê bình lắm. Nó nói có lúc rảnh quá chừng nó cũng

đọc sách, sao không thấy sách ghi tên Tư, tôi hỏi nó đọc sách gì, Nguyệt kể ra nào là “Tình như mây khói”, “Yêu mãi người ơi”, “Mai em theo chồng”... loại sách vừa dễ hiểu vừa có chữ bự coi không mỏi mắt. Tôi cười cười, con Nguyệt thắc mắc “Nhớ hỏi nhỏ mấy thèo lèo nhất lớp, bây giờ sao khôn quá trời, bắt người khác nói không à”. Tôi cũng giật mình, ờ, ờ mình hông biết nói gì, rồi nhìn về mặt lấp lánh ánh cười của nó mà buồn, bao giờ, chừng nào mình mới được sống vui giống vậy? Tôi biểu Nguyệt cứ nói đi, mình thích nghe hơn. Bởi có những chuyện tôi biết thì tôi để dành... viết hết rồi. Bị kịch ở chỗ là cuộc đời này không chỉ có bấy nhiêu thôi.

Còn nhiều chữ, ngoài văn chương thì phú ra, thí dụ như bạn bè. Con Nguyệt khỏe, gặp được nhiều bạn bè cũ lắm. Như mới vừa đi đám cưới con Thảo “khoai lang” nè, coi ú vậy mà lấy được thằng chồng đẹp trai, ờ, bữa đó còn ngồi chung Thúy “ở dơ”, bây giờ điều dữ à, mấy ngón tay lúc nào cũng nhón nhón vành vành thấy cười lắm. Như mới gặp thằng Nguyên hồi hôm qua nè, nó ẵm con đi chích ngừa ở dưới phường, thằng nhỏ giống hết nó, tròn vo, ú quây. Như thằng Nghĩa ngày nào cũng lừa hai con bò của ông nội nó ngang nhà, Nguyệt rú nó ghé uống nước rồi đi nhưng Nghĩa mắc cỡ, cầm cây roi quất con bò chạy cà cồng cà cượng, lằm lúi đi mất. Như hôm qua ba cặp vợ chồng Nguyệt, Mỹ, Tho rú nhau đi nhậu ốc lác luộc sả, ốc bươu nướng, mấy đĩa nhỏ khoái lắm. “Ừa, Tư, mấy hông gặp tui nó hả?”, Nguyệt hỏi, giọng tiếc hùi hụi. Tôi bảo không, à, có, mà không, tôi không có bạn, lúc bạn cần, bạn

tìm thì tôi đang bận viết cái gì đó nên không thể phân tâm mà bỏ đi chơi, đến lúc tôi rảnh rang, sức nhớ, chợt thêm gặp một người nào đó để nhậu, nói chuyện chơi thì không còn ai cả. Có gặp thì cũng như gặp Nguyệt bây giờ, lượng sượng, không biết nói chuyện gì, giống như một đũa ở trên trời, một dưới đất, có chuyện gì chung đâu.

Nguyệt thì chẳng bao giờ có đơn như thế. Nó để dành cả một tâm hồn không vương bận để quan tâm, chia sẻ, chu toàn hết thảy chuyện lật vạt của cuộc đời. Còn tôi thì đang đứng trên biển văn chương mệnh mang chưa thấy đâu là bờ bến, đường đời cũng dờ sống dờ chín, chưa đâu tới đâu, hai vai không trọn vai nào.

Bữa gặp Nguyệt về, tôi ngỡ ngẩn hết mấy ngày. Nhớ cái cảnh nó vừa chống móng lau nhà vừa nghe nhạc, loại nhạc mang âm hưởng dân ca lời lẽ cực kỳ dễ hiểu kiểu như “Nhà anh, giậu đổ bìm leo mà nhà em rào mấy lượt rào, hỏi chớ con đường mòn nào xui hai đũa gặp nhau...”. Cứ đêm về tôi mong được nằm mơ, mong thấy vĩa mình vừa chơi ô-tô với con vừa kể cho chồng nghe một câu chuyện gì đó thật hay lượm ở ngoài chợ cá, vừa kể hai đũa vừa cười ngắc nga ngắc ngèo. Xong rồi coi Lưu Tuyết Hoa trong phim *Xóm Vắng* vừa khóc với Tần Hán vừa hát “Buồn lòng tôi hát câu dân ca xưa để voi nổi sầu... Mấy ai qua cầu mà mong về được người ơi...” bằng tiếng của ca sỹ Cẩm Ly (vô lý vậy mới gọi là mơ chứ). Nhưng chớ hoài không thấy...

Cuộc sống đó, không ít người vẫn “khi dễ” là nhàm chán, cạn èo, tầm thường... Rồi một đôi lần trong đời chợt rung rung nhận ra, muốn sống vậy cũng không dễ.

## Hiên trước nhà một bà già tốt bụng

Tôi định hôm nào về xóm Chẹt, ghé lại nhà quen, uống một bụng nước mưa đã đời, xong rồi nằm chờ cơ chỗ bộ vật đằng trước nhà ngủ một giấc thật sâu. Rồi nghĩ, chắc là không ngủ được, vì nhớ...

Tôi chắc dù đất xóm Chẹt có thay đổi cỡ nào, tôi có già cóc thùng thiếc đi, mình vẫn nhận ra ngôi nhà ấy, ngôi nhà của một bà già hiền như bà nội, bà ngoại mình. Tôi không nhớ rõ khuôn mặt của bà, có thể mặt bà đầy những nếp nhăn, có thể lưng bà cong, có thể bà cũng nhai trầu bôm bém như bao nhiêu bà má quê khác. Cái tôi mừng tượng rõ nhất là đằng trước nhà bà, chỗ sát hàng ba, lúc nào cũng có cái lu nước mưa với bộ vật cau và hai cái đôn sứ hình con voi đã gãy mất vòi.

Hồi đó, lần nào đi học ngang tôi cũng ghé lại. Uống một gáo nước mát dạ lúc khát khô, ngồi nghỉ cho chân đỡ mỏi vì

đường xa, đụt mưa, trốn nắng. Đã bao nhiêu năm, bao nhiêu lượt người ghé lại, đám học trò nhỏ ngày xưa đã sắp bạc tóc dài râu, qua nhà lại nhớ bà, già mà thiệt thính tai, nghe chúng tôi khóa gáo đã biết nước giựt tới đâu, mau mau hối con cháu chầm đậy cho tụi nhỏ để múc. Cái nắp lu bằng sành bà sợ nặng, ngồi tỉ mẩn chằm lá để đậy, nên nước trong lu mát lạnh tới tận óc, ngọt ngào, lại thơm thoang thoảng mùi cà bắp của đám dứa nước ven sông. Cái gáo đen mịn cúi đầu chống móng lên cây trúc cặm kê bên cũng thơm ngậy ngậy mùi gỗ đã ngâm nước lâu ngày.

Bộ vạt đằng trước đã thay nhiều xác cau. Có bữa ghé đụt mưa đám học trò chúng tôi buồn tình ngồi vẽ trâu, vẽ sáo, ghi chi chít "con Út Cò Hương + thằng Bấu = 2 vợ chồng"... Vạt cũ dỡ ra, bà biểu con gái đem chum củi hết rồi, từ bấy đến nay không biết con Út Cò Hương có lấy thằng Bấu không nữa?

Nhà bà đã một lần bị bom, một lần bị bão, mấy đận cát mới, mấy lượt sửa sang, nhưng có thay đổi mấy bà vẫn nhắc con giữ nguyên cái lu với bộ vạt. Và một ngọn đèn, ừ, thêm một ngọn đèn chong...

Đèn chỉ tắt những đêm tốt trời, trăng sáng, rồi thì cháy đỏ một tháng hai mươi mấy ngày. Hồi đó, đốn Chẹt đóng kê bên nhà, hể chạng vạng là đám lính thấy bà đem cái đèn (loại dùng để đặt đó) ra treo ngoài hàng ba. Bọn giặc sợ, theo tra hỏi hoài, "Làm ám hiệu gì cho Việt cộng vậy bà già, hay là soi đèn cho tụi nó bắn tia tòi?". Bà cười ung dung: "Ám hiệu ám hiếc gì đâu, tui treo đèn là để mấy đứa nhỏ đi đêm khỏi sợ". Đèn nhỏ,



ngọn lửa chỉ le lói đỏ nhưng lạ lùng, đêm càng tối đèn càng sáng lung linh. Cái vầng sáng đỏ hắt ra tới tận bờ lá, nhuộm hồng cả một khúc đường. Tối nào má tôi sai đi mua dầu hôi, nước mắm ở quán chú Sỏi, tôi cầm đầu chạy đến đây thì dừng lại thờ, nhìn cái đèn với một lòng biết ơn mệnh mông. Tôi thắc mắc sao ai cũng cần ánh sáng mà lính đồn Chệt thì không?

Hàng ba nhà bà, không chỉ một mình tôi nhớ. Nhiều lắm những người khách bộ hành xuôi ngược. Người buôn ve chai lông vịt, người đi bán tranh thờ, người bán chiếu... Những thợ gặt xuôi về xứ khi lúa hết mùa... Những người đàn bà tan buổi chợ trưa... Người ta nhớ hoài, thương hoài cái hàng ba thơm thảo đó.

Phải đợi lớn lên, tôi mới nhận ra, bà dành cho những người qua đường chúng tôi không chỉ lu nước mưa, cái vạt cau và cây đèn chong. Cái không gian nhỏ nhoi dưới mái hiên đó giống như tổ ấm của mỗi người với đầy đủ nhu cầu tối thiểu, có thức uống, có chỗ nghỉ ngơi, có ánh sáng... Phải đợi về sống nơi phố thị, tôi mới nhận ra, cứ bước chân ra khỏi nhà – công sự của mình (dù có khi chỉ để đi... nhậu) là lòng lại thấy cháng háng, chơ vơ, không hiểu vì nỗi gì! Nhìn những hàng rào cao ngất, kín bưng bọc lấy những ngôi nhà ở hai bên đường, bỗng thèm được đi qua xóm cũ, ghé tạt vào cái hàng ba quen thuộc, uống một ngụm nước mưa giữa mùa, ý trời, nó mát thì thôi đi chớ...

Có khi bỏ nón ở đâu không nhớ, bỏ tiền túi nào cũng không nhớ mà lại nhớ mấy chuyện cũ bên trời nấy, ngật thiết.

## Một mái nhà

Một bữa trên đường gánh trái cây đi bán dạo, con Bèo gặp tôi, mừng quá, lâu lắc quá chừng rồi, Bèo rối rít mời tới nhà chơi, mà, cái giọng của con bạn, trời ơi, nó tươi rói, giòn tan, sung sướng, tự hào. Bèo dẫn vói theo cho tới khuất người khuất bóng mới thôi, “Nhớ nhen, Tư, rảnh vô nhà tao quây cho đã một bữa, muốn chiên bánh xèo cũng được, không thì tụi mình nấu chè khoai môn ăn”. Rồi nó cười hực hờ, rạng rỡ, như thể nhà nó là một thiên đường.

Ai mà dè nhà nó nằm tuốt trong con hẻm Cỏ sau lưng siêu thị. Đó là một con hẻm dài, hẹp te, tối tăm, sinh bùn ọp ẹp, ngoa ngoắt ngoặt trái ngoặt phải, mỗi lần ngoặt thì nhà cửa hai bên lại nhỏ đi một chút, làm người ta tuyệt vọng đi một chút, điệu nấy, tới cuối hẻm, chắc nhà chỉ còn bằng cái miếu ông Tà. May, nhà của con Bèo cũng không tệ đến mức vậy.

Tổ ấm đó đủ để một bàn thờ kê trước chiếc giường đôi, còn thừa một chỗ trống để giăng chiếc võng sát góc nhà. Phía sau có kê tấm giá làm bếp, gần đó đặt cái bàn ăn com nhỏ

xíu với hai chiếc ghế ba chân để đầu cũng lùn vì nền đất ướt chèm nhẹp. Vách nhà được dựng bằng những tấm kềm đã phơi bán ở nhà in (chồng nó làm việc ở đó), chi chít thơ. Hỏi con Bèo thơ viết gì, nó cười, “Mấy biết mà, tao học tới lớp sáu là nghỉ ngang, chữ xuôi đọc còn trăm trảy trăm trật nói chi để chữ ngược ngạo vậy...” (Tội nghiệp, sống giữa thế giới thơ mà không tận hưởng được). Mái lợp bằng lá cũ mềm, ngựa cổ đã thấy lấp lánh trời sao. Nước bung ra để cái cộp, khách chưa kịp uống lá mực đã rớt vào, nên nước nghe thơm mùi lá lấm. Con Bèo cười, “Chồng tao ảnh nói để lãnh lương tháng nầy mua lá lợp lại, chớ đâu có để vậy hoài”.

Tôi tới chơi một lần, tự dung nghe buồn, nghe thất vọng quá trời đất, nghe trong lòng có một chút ghen hờn. Con Bèo học hành lờ đờ, nghề nghiệp cũng chẳng cao sang, sao nó lại ngộ chữ “tri túc”, còn mình thì không?

Tôi cũng có nhà, lớn hơn một chút, đầy đủ tiện nghi hơn nhưng chẳng bao giờ tôi biết hành diện về nó. Nhiều lúc bạn bè nói gièm, bảo để tới nhà nhỏ Tư chơi, tôi bàn ra, “Nhà em khó kiếm dư lắm mấy anh ơi”. Bạn gạt phăng đi (vì thương tôi quá mà), “Không sao, khó mấy có lòng cũng tìm ra”, tôi rớt beng trong bụng, giá đồ nín thình như người điếc, nghĩ thắm, nhà mình thấy ghê...

Nhà tôi nằm ngang chợ phường, quay lưng với sông, ngựa mặt đón bụi đường, trong nhà không lúc nào ngớt tiếng xe, tàu chạy (tôi ngồi viết văn ở đó, giữa tiếng động chói gắt khủng khiếp của tàu xe, tiếng nhạc nhùng nhằng

từ xe kéo kéo, tiếng những người đàn bà bên chợ cá cù cãi nhau). Đứng ở đằng trước thấy thông thoáng đằng sau, tuềnh toàng một cái bếp thấp tè, chiếc máy giặt cổ mỗi lần giặt rung cà công cà cưỡng (có người còn đề nghị cho mượn để... cầu số). Chen giữa lối cầu thang lên gác xếp với nơi để máy vi tính là cái bàn ăn (nên ngồi một chỗ, tôi có thể vừa truy cập Internet, vừa... ăn cơm, hoặc quay lưng lại xem ti vi). Trên vách lỏng chóng nổi niêu xoong chảo, lọ nghe âm đen, dài theo đó đóng ba bầy hàng đinh, treo lủ khủ những thứ mà ở dưới đất, không có chỗ cất. Đồ đạc bằng cây thì cũ kỹ, gậy bán lẻ, bằng kim loại thì sét nghệt, thấy rầu. Đụng tay vô đâu cũng gặp bụi, lau hôm trước, hôm sau bụi lại đầy, mùa gió nam hay gió chướng, trước nhà cũng tả tơi giấy vàng bạc, vỏ tràm. Buổi trưa đi làm về lại luỳnh quỳnh chạy đi, hời làm gì gấp, bảo chạy về thăm ngoại (nói vậy cho nó... từ tế, chớ không lẽ nói “dzọt” vô trong ấy để ngủ, ở đây nóng quá, chịu gì thấu).

Tôi chỉ nhớ nhà những lúc đi xa, đi lâu (cái chính là nhớ người ở lại). Ở một vùng đất heo hút nào đó, nửa đêm thức dậy, nghe tiếng gà gáy, tiếng con chim kêu thảng thốt, gió ngào ngạt hương hoa bưởi, hoa cau, tôi nhớ tổ ấm của mình, giờ này ở đó chẳng có gió máy gì đâu, thằng nhóc ở cạnh nhà chắc là đang chạy rầm rầm trên gác (e là nó đã bị hỏng đồng hồ sinh học), những người phục vụ quán nhậu bên kia đường đang dọn dẹp, tiếng chai rỗng vọng xuống đáy thùng côm cốp, rồi tất cả đều im lặng lại, nhường cho tiếng chổi đêm xao xác.

Tôi chân thành cảm ơn những cuộc đi xa, nó làm cho tôi biết nhớ nhà, ờ, miễn là nhà-của-mình, thôi thì, sao cũng được.

Một bữa trèo lên tầng thượng cao ốc ngân hàng, tôi nhìn về phía nhà, nghe gió thổi qua mặt, gió tràn vào lòng, nhận ra nhà của mình nhỏ nhoi, chật chội quá trời đất, gì mà mái nhà hẹp te như chiếc chiếu bông (rõ ràng là người ngồi trên cao sẽ nhìn đời bằng đôi mắt khác). Ủi cha cha, không biết chừng nào mình mới có được một căn nhà đủ rộng, có cửa sổ đón gió và nắng trời, có cái sân trồng giàn bông giấy, có phòng riêng cho con (thì cũng phải sinh con chứ, chừng vài ba đứa), có chỗ cho tụi nhỏ đạp xe ba bánh chỡ nhau, trên vách treo tám hình đám cưới, treo cái gương dài để mặc đồ mới đứng ngắm nghĩa chơi. Ở đằng trước đủ rộng đặt bộ ghế sa lông cho khách ngồi, khoe cái kệ chật những sách, báo; ngoài sau đủ sáng để bày biện nấu nướng cúng giỗ cha mẹ chồng, sau nữa là mảnh đất nhỏ trồng cải, ớt, hành, vài thứ cây ăn trái như ổi, cóc, xoài... hết mảnh vườn của má, rồi chim về chim hót, rồi gió về gió thơm mùi cỏ mùi cây... Tôi sẽ mang đá sỏi, rơm rạ vào nhà, nuôi cá lia thia, thả bèo vô chậu, ở chỗ cái hồ dưới giếng trời tôi trồng bụi năng, bụi lác, bụi bông súng quê nghèo. Đất có hơi hẹp khổ, nhưng không sao, tôi sẽ xây nó lên cao, cho ai đi qua tới đây cũng phải xừng vừng, ngạc nhiên kêu lên: "Nhà của ai mà bảnh quá ta?". (Lúc đó tôi sẽ ưỡn ngực ra mà rằng: "Có ai trồng khoai đất nấy, nhà Tư tui chớ ai"). Nhưng chừng nào thì mình mới có được một cái nhà như vậy kia, biết chừng nào, chừng nào, chừng nào?

Câu hỏi đó cháy bỏng trong lòng. Chạy xe ngang qua nghĩa địa Triều Châu, tôi tản ngẩn ngó những ngôi mộ nằm chen chúc trong nắng chiều, nghĩ người chết rồi, nằm thẳng cẳng không biết trời trăng gì rồi mà xây cất chi cho long trọng vậy không biết, phải chi... Nhận tiền nhuận bút được một trăm hai chục ngàn mua sách hết một trăm, tôi buồn thiu thiu, vậy là xong hai bao xi-măng, mất trăm rưỡi gạch, bay vèo một mét khối cát, thấy mình tuyệt vọng một chút. Có lần đi công tác, đứng trong nhà vệ sinh khách sạn, chục nghẹn ngào, trời ơi, chỉ chỗ này thôi còn sang trọng hơn, đẹp hơn nhà mình nữa. Rồi tới chiêm bao tôi cũng thấy căn nhà mơ ước, nhưng vừa tới cửa, bỗng còi rúc liên hồi, giật mình tỉnh giấc, nghe xà lan ngược nước ràn rạt đi qua, nhớ giấc mơ dang dở, tôi tiếc quá chùng...

Con Bèo nghe chuyện, nó cười quá trời đất, nó nói tôi “điên nhà”, nó cười mà lòng nó đau như thắt, nghĩ tội nghiệp cho con bạn nông cạn, đại khờ. Máy cô bạn ở sát nhà nó cũng qua chơi, cũng rười rượi, bảo “Không phải có nhà cao cửa rộng là hạnh phúc đâu, mấy thằng đàn ông hay rú tui tui tới nhà tù ti tú tí, thằng nào cũng giàu (không giàu sao có tiền bao gái?)”. Con Bèo giải thích với tôi, “Tụi nó bán bia ôm”. Rồi một mai khi sơn phấn rã rời, khi ngày cùng đêm tận, có mái nhà nào đón họ về không (dù bé bỏng, chật chội như tổ ấm của con Bèo)?

Vậy thì cảm ơn Bèo lắm lắm, con bạn nghèo ơi! Nhờ gặp ở đây, giữa xóm lao động nầy, nhờ ánh mắt nụ cười của bạn, tôi ngộ ra rằng, hạnh phúc không ở những ngôi nhà sang

trọng, tự mình thấy đủ, dù chòi tranh vách lá, dù ở dưới dạ cầu, cũng vui. Có những ngôi nhà cao rộng mà lạnh lẽo, vô hồn, có những mái lá đơn sơ mà nồng nàn, đượm khói. Ô la la! Gặp mưa giữa đường, có chỗ ta về, có người đưa tấm khăn để lau tóc ướt, là “đã” lắm rồi, đừng có lãng mạn mong ước xa vời.

Tôi về đứng trước cửa nhà mình, ngỡ ngác yêu thương như con chim lâu lắm mới tìm lại tổ. Nỗi vui cồn cào tới mức muốn mời ai đó tới nhà chơi ngay bây giờ, ngay lúc này. Tôi sẽ vén mớ đồ đạc bệ bộn ra (như khóa mặt ao bè), mời bạn ngồi (và biết khi bạn đứng lên ra về, nó sẽ bừa bộn như cũ, giống hệt bè). Nhà hơi tối, hơi ngộp, đừng lo, tôi sẽ mở cửa sau, nhìn ra sông nước rập rờn, nắng bùng qua cửa, gió phơ phất từng cơn, mát rượi. Chúng ta sẽ ngồi ở đó, cắn hạt dưa, cười tởm, nói những câu nói thật lòng, đùa những lời ý nhị. Chúng mình ngồi ở đó, ngó về sông, kia những chiếc ghe khảm lừ chở mấy con chó nghinh mặt sữa vang trong buổi chiều đỏ thắm, hơi người cảm lái, nhà anh là chiếc ghe nhỏ đó hay nhà anh vẫn còn xa, xa ngái?

Giờ đó, sâu trong hẻm Cỏ, chắc con Bè đang nhen lửa, chổng nó vo com...

## Chơi một mình

Xe đứt sên cứng ngắc giữa dốc cầu, nắng ong óng trên đầu, điện thoại báo cuộc họp đang chờ, mà bài đã xong chưa vậy bà ơi, báo sắp in rồi. Già tôi ngồi phịch xuống mặt đường nóng rẫy, tính coi còn gì nữa, trưa ăn cơm với khách, chiều làm báo cáo, đọc bản thảo, đón con về, nấu cơm, cho con nó ăn, xong đi đám tang một họ hàng, tối về lại cho con ăn, dỗ ngủ... Bỗng thấy đời ta mới như, mới mẻ mới, triển miên. Bỗng nhớ bộ phim Hàn Quốc có anh đẹp trai bị xe đâm, không rõ là trúng đầu, chân hay đầu, nhưng quên mất tiêu quá khứ, quên cả chị người yêu đẹp gái, nhà nghèo. Hấp dẫn là từ cái mặt buồn nhả buồn nhớ anh chuyển qua hơn hờ rạng rỡ cười. Trời ơi, già kêu lên, sao mình không quên thử chút chơi.

Và mặc kệ chiều đang đợi (và mai và một chục hồ sấn tự hồi nào), già gọi điện thoại cho mấy đứa bạn hỏi đó thân (nhưng bây giờ chừng ba tháng mới gặp một lần), rủ đi ăn kem. Đứa nào cũng kêu trời, tao mắc công chuyện quá. Cuối cùng, chỉ bốn đứa, mà không, tội nó cũng đã thành con già,



chạy lại, hỏi, “Ừa, Tư, bữa nay sao hứng bất tử vậy, có gì hôn?” (ý sâu xa là bị chạm dây thần kinh nào?). Già tôi cười ngắc nga ngắc ngéo (thì mình đã thành người mới rồi, hông lẽ chơi cái mặt trầm tư hoài), “Trời nắng quá chừng, tự nhiên thèm ăn kem, như hồi đó...”. Rồi già kêu bốn ly kem, dặn mình thong thả thôi, không có gì gấp gáp, ngắm cảnh đi, nhìn trời nhìn đất xa xa ấy, đừng có coi người ta chen chúc trên đường. Già tôi ngó cây me keo trước quán cũ giờ đã cối (y chang mình), một chòm cuối cùng xanh trơ trụi (mình đi qua lại hằng ngày có phát hiện ra đâu), nghe bốn con bạn đang thờ dài nhìn nhau, sao lúc nãy tóc bạc quá trời. Già tôi nhắc chuyện xưa, chuyện hồi mười tám, hai mươi, thuở hay cười, thuở nhẹ nhõm rong chơi... Bốn đứa kia tươi tỉnh lên, bảo ừ, nhớ rồi, nhớ hồi còn đi học, tụi mình mê nhứt món chè ở đây, chiều nào cũng dụ dỗ mấy thằng con trai dẫn đi ăn, đến nổi nghe tên quán Me Keo là tụi nó nghe... lạnh túi. Ừ, nhớ rồi, thằng Bay, thằng Bướm, hai đứa cũng đẹp trai hen, tội nghiệp, vì chiều chuộng mấy đứa mình mà tụi nó nhịn ăn sáng, mặt mày xanh dờn, thấy ớn. Một đứa chen vô, “Hồi đó, chè, kem rẻ hơn bây giờ”.

Kỷ niệm như mảng tươi xanh bắt đầu lém vào những tâm hồn xám ngoét bỗng bị đá văng ra cái búp. Ba đứa bạn than vãn một cách hào hứng, ừ, lúc nãy gạo cá gas lên giá thấy ghê. Ký nhận lương nhìn mớ tiền, muốn khóc. Đi chợ nhiều khi ngỡ ngác như con điên, không biết mua gì, ăn gì... Ông già bán nước mưa hôm qua bảo chuyến tới sẽ tăng giá hai ngàn một đôi, ổng nói tại vàng lên giá. Ừa, nước mưa trên trời rớt

xuống, mắc mớ gì tới vàng. Thì vậy mới kỳ... Và con gái sắp thi cuối cấp, má đau chân, chồng lơ là chuyện nhà, chắc là có bồ nhí ở ngoài... Già tôi thảm kêu lên hai tiếng trời ơi, mình đã như một sợi chỉ đứt rời, như ngọn cây bị cưa lìa, đã quên mà đám bạn bè vẫn bị đời trêu nặng. Nên trông cái cách ăn kem cũng thấy tội. Đáng lẽ phải nhẩn nha múc từng miếng nhỏ, sừng rơn nghe cái lạnh dịu dàng buốt qua răng, ngọt ngào tan trên đầu lưỡi, bạn của già tôi nhai sồn sột (làm như đang nhai miếng thịt trâu luộc mẹ), nuốt trọn nuốt trạo, nuốt vội nuốt vàng.

Từng người, từng người một đã mắc bệnh thắc thóm hết rồi, thắc thóm nói thắc thóm cười và thắc thóm gành đời lên đời vai đã bắt đầu trriu xuống. Tội nhất là Bé Tám, yêu vội, sớm chồng, con gái tật nguyên, mới xin được một chân quét dọn trong khách sạn, nhớ bạn mà không dám bỏ việc chạy lại chơi. Sao đời đau như thế mà chẳng muốn lìa, quên cho rồi, Tám cười trong điện thoại (mà giọng nghe như chồm nghẹn ngào), “Tao mà buông xụi con tao nó biết dựa vô ai...”. Cả bốn đứa ngồi đây cũng vậy, chẳng ai quên chỗ đứng của mình (mà có vẻ không muốn quên), chưa kịp ăn thêm ly đá đậu, bốn đứa ào đứng lên về, bảo chiều nay quyết toán với tài chánh, bảo mắc may gấp cho khách cái áo dài, bảo tới giờ đi gom hụi...

Già tôi cũng nhấp nhồm, giờ này, đáng lẽ... nhưng rồi sực nhớ, ủa kỳ vậy, mình đang quên mờ. Vậy thì thông dong thôi, chơi cho đã đời. Mua về nửa ký hạt dưa, già tôi ngồi ở công viên cần đến quá nửa trưa (và biết chắc chiều thế nào cũng

chảy máu cam nhưng nhấn nha như vậy sướng quá chừng, chẳng bù những lần tọng cả nắm vô miệng, nhai xong nhá xác). Xong già tôi chạy về nhà má, giăng cái võng ngoài vườn, nhìn mây trôi, gió trôi và nắng đang trôi về phía xế chiều. Ngoài đồng có đám trẻ thả diều, ngơ ngác nhìn chị kia hát vọng lên một câu vọng cổ (đơn giản vậy, mà gần mười năm ra chợ, mình chẳng có dịp nào để làm)... Sẵn trốn mắc ca, già ta đi thuê một phòng karaoke, vặn nhạc thật to, lác lư gật gù cho đã đời, nhưng tới lúc tung tẩy ra về, ghé rạp chiếu phim, lòng bỗng se lại, thấy chơi một mình hơi... buồn. Sự nhớ cái anh chàng hồi xưa đã từng nói yêu mình, đã viết vô lưu bút mình hai câu thơ (sáo để sợ) “Trăm tuổi không phai tình vụng dại. Ngàn năm thương nhớ mãi người xưa”...

Người tối tối hay leo lên tầng thượng của trường để ngắm trăng sao, chiều nghe chuông nhà thờ đổ, người biểu tôi nhắm mắt lại mới nghe hồn mình thấm đắm âm thanh buồn bã và trong trẻo đó, tôi tưởng sau này người sẽ làm nhà thơ. Ai dè... Già tôi đứng trong nhà người, nóng la mảy mảy, sưng sờ ngó mái tóc xanh dày giờ chớm bạc, nhắc chàng-lãng-mạn xưa, mà như không tin được cái người đó bây giờ đang ngồi đây, đang cười nhấp nhóm, nhấp nhóm ờ ờ, vậy ha vậy há. Chớ tâm trí đâu khi heo dưới chuông đang đổ, chúng la eng éc như... kèn. Chàng nhấp nhóm biểu em ngồi chơi anh đi trợn cảm cái đã. Vợ chàng đang đứng bếp nấu nổi cặn cơm, cứ tần ngần, ngại thiệt, lâu lâu chị lại chơi mà bấy heo quậy quá trời. Già tôi đứng giữa mù mịt khói, nhìn chàng đang hùng hục làm lụng, cảm vương trắng tóc, tự

nhiên nghe lòng buồn thê thiết, buồn không xiết, bảo thôi, về.

Ra cửa rồi không biết đi đâu, lòng rỗng không, vô vị, thấy mọi người nhọc nhằn đi tới còn mình ham chơi mà quay lại đằng sau, phía không có ai, phía một mình. Không có gì để làm, không sống cho ai, vì cái gì... để đi qua tháng ngày dài phía trước.

Bỗng nhớ quá cái gánh đời vừa thử cho rơi bên cỏ...

## Lời nhắn

Hỏi thế này có khi không phải, nhưng anh có nghe lòng xao động khi nghe tôi nhắc tới X không, anh có thân thuộc như đây là quê hương, là nhà của mình không, có cảm giác người dân ở đó hiền hậu bao dung giống hệt như người cha người mẹ, cô em gái nhỏ... của mình không? Tôi hỏi vậy, là vì, nếu như anh đã từng ở trong vùng căn cứ đó suốt một thời chiến tranh, đã từng được người dân hy sinh mạng sống để che chở cho mình, nếu anh nghe thân thuộc từng cái tên nghe giản dị như Thị Tường, Giáp Nước, Rau Dừa, Phú Mỹ, Đất Cháy, Vịnh Dừa... rất có thể anh là người chị tôi quen.

Tôi không nhớ chị tên gì, ở là Duyên, Diệu, Xuyên, Nương, hay Bé Ba, Bé Bảy... Tôi không hỏi chị đã bao nhiêu tuổi, chị nói chị có cháu ngoại rồi mà cái cười tươi rói, nét mặt hiền hậu, trong trẻo, ngời ngời. Tóc chị dài, bới gọn trong bao lưới, ở đó, nó thắm lạng bạc theo ngày tháng. Chị ưa mặc áo bà ba màu nâu, có cái đã bạc màu, có cái được vá khéo dăm ba chỗ. Quê chị nghèo, gần ba mươi năm sau giải phóng, quê

vẫn còn những cây cầu khỉ, những con đường đất, lầy lội, đứt đoạn mỗi lúc mưa về. Ngoài vườn, cây trái xác xơ, những đầm nước phơi mình chang chang trong nắng đỏ. Nhà còn chừng ba ký gạo, chị hối con dâu nấu cơm, rồi lấy tay lưới ra kinh giăng bắt cá phi kho mắm đái khách Cà Mau.

Chị nói nghe hai tiếng Cà Mau sao nghe thương quá chừng, nghe gằn xẹt một bên lòng như xuống xuống chổng vãi ba sào sẽ tới. Là vì ở Cà Mau chị có rất nhiều người quen, cái tánh chị rất kỳ, đất nào có người quen ở, dầu chưa tới cũng nghe thương. Anh Hai ở tỉnh ủy nè, anh Bảy ở ủy ban, thêm một anh Hai nữa ở tỉnh đội, anh Mười ở công an... Còn nhiều người nữa, người mất, người còn... Trước giải phóng anh nào cũng có ở nhà chị đôi ba tháng, ăn cơm nguội với ghẹm muối, ngủ hầm, thấy thương thì thôi đi. Chị nói với giọng triu mến, như người mẹ nói về đứa con gái út đi học xa nhà, như cô em nhắc tới người chị lấy chồng xứ khác. Rồi chợt chị day qua tôi hỏi, em ở Cà Mau mà, chắc là biết mấy ảnh hả. Tôi cười, thiệt khó trả lời, người chị quen là ai trong số những hình ảnh quen thuộc trên tivi, trên mặt báo, quen thuộc đến từng nốt ruồi, từng chấm tàn nhang, từng vết sẹo trên khuôn mặt mà mỗi cái tên tôi vẫn nghe xa lạ quá chừng.

Câu chuyện xoay quanh những người vắng mặt rộn ràng bên mâm cơm lơ bữa. Chị biểu sắp nhỏ đem chai rượu ra, chị cười, em uống thêm ly này, chị gởi cho anh Hai, ly này chị gởi anh Bảy, anh Chín, anh Mười. Ờ, ly này chế gởi cho anh Hai tỉnh ủy nghen, hồi đó ảnh có về thăm một lần, hồi ba má

ché còn sống lặn, mười một năm rồi. Quý thần ơi, bữa đó vui thấu trời luôn. Má ché nhậu cà xình cà xang nhắc chuyện xưa mắc cười lắm, má nói thẳng Hai hồi đó sợ phải lòng con gái Giáp Nước nên ăn rau răm thấy mỡ tổ luôn. Ché khờ lắm, ché hỏi, ảnh ăn rau răm làm chi, má ché cười ngất, để bót muốn vợ. Ché nghĩ, hèn chi, hồi đó mình thương lắm ảnh muốn chết mà ảnh không thương lại.

Nhắc lại, chị cười, rạng rỡ như thể ngày vui cũ với người xưa vẫn còn trước mắt.

– Mà, lâu lắm rồi, ảnh không về Giáp Nước, làm lãnh đạo, chắc là mắc công chuyện dữ lắm. Máy ché bèn Vịnh Dừa, Xóm Huế gặp nhau nhắc hoài, nhớ mấy ảnh quá hà, nói chừng nào rảnh lên Cà Mau thăm mấy ảnh một bữa. Em về nhớ nhắn cho tụi ché gởi lời thăm mấy ảnh khỏe nghen, nói với mấy ảnh, tụi này không lên thì thôi, lên rồi ở chơi hai ba bữa mới đi.

Tôi thương chị muốn rơi nước mắt, chị bao nhiêu tuổi, bốn mươi, năm mươi hay sáu, bảy mươi, sao tấm lòng chị chất phác, hồn hậu đến trong ngần? Chị Tâm, Hương, Pha, Chi, Hiền hay Bé Năm, Bé Chín ơi..., biết người còn nhớ chị như chị nhớ người, biết người xưa còn thích nhắc chuyện xưa? Nếu nhớ, hẳn chị và anh đã từng gặp lại nhau, ít nhất một đôi lần, dù hoàn cảnh có trẹo ngoe, ví dụ như lúc anh ghé ngang nhà đúng lúc chị mắc đi đám giỗ bà nội chồng, ví dụ như mình chờ ở cửa này, người ra bằng cửa khác, như mình đứng ở dưới đường, trông hoài mà không biết người đã đi qua, trên chiếc ô-tô sang trọng, được bọc bằng tấm kính sẫm màu.

Nên tôi nhận lời nhán mà bản thân. Tôi không thường đi hội họp, không chơi tennis vào mỗi sáng chiều, không thường họp mặt để uống rượu Tây, sao gặp được các anh mà chuyển lời. Không được mấy dịp đó, hóng lẽ xông vô cơ quan người ta chỉ để nói, chị ấy nhán như vậy nè. Mà, nói thiệt chưa chắc mấy anh bảo vệ cho vô, lý do gì mà lằng òm.

Tôi uống với chị thêm chút rượu nữa rồi về. Chị bơi xuống đưa tôi qua kinh, sợ tôi say rồi không đi cầu khí được. Nước đang ròng, chị vo quần nhảy xuống, lội ọp ẹp, đẩy mũi xuống rướn lên bãi. Tôi bảo, thưa chị em về. Chị cười, Ờ, em về Cà Mau khỏe nghen. Mà, cho chị gửi lời nhán mấy ảnh, có rảnh về cứ chơi, để mai đây tụi chị già rồi, theo ông theo bà mất đất. Nói vậy chứ... nghèo quá hà... tụi chị tới mấy ảnh... cũng khó. Có lần mấy chị em đi chợ, ghé chỗ anh Hai, mà không gặp được. Tôi hỏi tại sao, chị thoảng nghẹn ngào nhưng rất nhanh, nhanh như một cái chớp mắt, chị lại cười, tại bữa đó nắng dữ quá.

Tôi đi được một đôi đường thì nghe bưng cồn lên chạy chực. Tôi quỳ bên đường nôn mà nước mắt ràn rụa, những ly rượu chị gửi... thôi rồi... Chỉ lời nhán tôi vẫn giữ trong lòng, lời nhán bình dị, nhỏ nhoi như hạt cát mà đau rất dạ con trai.

Tôi xin mạn phép gửi câu chuyện của chị lên trang giấy. Nếu anh đọc được mấy dòng này, rồi tự dừng nghe kỷ niệm của miền đất cũ dâng lên đầy mắt, rất có thể anh là người quen của chị. Anh ạ, chị nhán như vậy...



## Sân nhà

Má buồn thiệt buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “Nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...”.

Tôi cười giòn, trời đất, thiệt thòi gì đâu, má quên rồi sao? Nhưng củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thắt thèo chắt mót từng lọn rau, bó cải để sấm cho con, chiếc xe đạp nhỏ – món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tàn cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giống rau xanh biếc ngoài kia. Phía bìa sân, ba đặt cái bàn thờ Thông Thiên nho nhỏ, bát cắm nhang để giữa hai hũ gạo, muối (hết thảy mấy thứ đó cũng nhỏ xíu), buổi chạng vạng, gió phiêu phiêu mang hương nhang bay lảng đàng trước nhà. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiếng,

trở bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà. Nhưng tôi chẳng có gì tiếc nuối khi nhà mình chẳng có mai, đào... Vạn thọ cũng có cái vui của vạn thọ (Câu nầy tôi học trong Gala cười 2003: "Bánh giò cũng có cái giá của bánh giò"), bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn "bức tranh" sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dư ôn vậy không biết, viễn quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và... chơi chuyện).

Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chận bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhớt, xằng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ né. Nước lên sấm sập, ba phải kê đá tảng để có lối đi vào nhà. Không còn chỗ chơi rượt bắt, nháy dây..., tôi bắc cái ghế ngồi học bài ngoài hàng ba, lâu lâu lại ngóng phía chân trời, coi xuyên qua đám mưa mịt mùng kia, có tia nắng nào hứng lên không? Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân-thiên-đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho mà coi.

Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lỏng lẻo phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc.

Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con đế gáy te te hoài dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lên ra sân ạch đùi nhảy dây. Suốt một mùa hạn, đám vú sữa đất mọc trên mặt sân chẳng thể nào ra lá mới, coi xo cò, tội nghiệp... (thì có sáng nào, chiều nào mà đám trẻ không chạy nhảy ở đó đâu). Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ (mà, hỏi “lý lịch” của chúng, lắm khi tôi còn không nhớ hết); da vừa đen vừa mốc cời mốc thếch vì lắm lem bụi đất. Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thẩn thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ riu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thòm... Có bữa thấy tôi bung tồ cơm vắt vẻo ngồi ăn trên chạc ba của cây trứng cá, má bực quá, má rầy, “Con nhỏ nầy chỉ thiếu nước ôm mừng chiếu ra ngoài sân ngủ”...

Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thành thơi chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ nầy chắc Mẹ bà nấn lộn”... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng 10, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tia thừa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bừng bừng, mồ hôi chảy dài, bê bết tóc. Mỗi lần giờ đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi

cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân-thiên-đường của tôi, má ba không tát tá, bận bịu, lo toan...

Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

## Cha và con

Hắn chịu thiệt là mình mê chơi, ham vui, và vì thích chơi vui nên khoái nhậu. Còn gì buồn bằng việc phải về nhà sớm vào những buổi chiều cuối tuần dàu dàu nắng, gió nhẹ hiu hiu, phải ngồi một mình trong những buổi trưa trời mưa rả rích. Có gì vui bằng được ngồi trong một cái quán nào đó, hơi ồn ã, phức tạp một chút. Ở đó, mỗi người mang tới một màu sắc, mùi vị, một tính cách khác nhau, đa dạng như cuộc đời tươi đẹp này. Họ có thể không có lý do gì rõ ràng, cũng có thể vì gặp người bạn cũ lưu lạc đã lâu, một hợp đồng kinh tế mới ký, buồn do thất tình, vui vì mới cưới vợ... Và niềm tự hào duy nhất của hắn khi ngoái nhìn lại nửa đời bia bọt là có lúc hắn đi quán chỉ vì nhớ cha, nhớ quá trời.

Ngày xưa, cứ năm ba bữa hắn lại chở cha đi nhậu. Đó là những bữa hắn bỏ rơi đám bạn bè mà không đứa nào dám giận, có đứa còn ngồi tám tấc, ước gì tao còn ông già, đứa khác nghe lòng thẹn thứa, lâu rồi mình không về thăm, ăn một

bữa cơm với ba, chỉ đoàn tụ được mấy bữa giỗ nhưng hôm đó, ông già khề khà chung mâm của ông già, con ngồi cùng ly với đám bạn cùng cơ quan, nhậu nhẹt vốn là chuyện ít câu nệ nhất, xuề xòa, hòa đồng nhất mà hai cha con còn không thể sánh vai ngồi, nói chi... Nên hẳn được bạn thương lắm, nể nhiều, tụi nó tò mò hỏi: “Nhậu với ông già, vui hôn mậy?”.

Hắn nói vui, vui lắm, ít ai kiếm được một ông bạn nhậu quý như vậy. Khi đi hẳn chờ cha, lúc về, cha sợ hắn say, nên cha giành chõ. Ngồi lâu nhưng uống không nhiều. Cha hẳn thường bảo, uống ít còn nhiều, còn bạn bè, còn tự chủ, còn nhân cách, còn là mình, uống nhiều mất hết. Rượu bia là thứ để thưởng thức chứ không phải nốc vô tội vạ để khoe tài. Cái thức uống này là để rạng rỡ lòng chứ không phải tiêu sấu. Nên hẳn vô chừng hai ly là có thể nói chuyện cởi mở với cha như một người bạn đồng niên. Có bữa, hắn ngà ngà say nên nổi hứng đọc bài thơ con cóc, cha cười, “Vậy là cha biết làm sao con thích la cà quán nhậu rồi, để hứa hẹn như đinh đóng cột với mọi người cái chuyện mình không bao giờ làm được, gở chén ca bằng cái giọng tẻ... không chịu được, nói cho hà hê những ấm ức trong lòng... tất cả những chuyện đó, lúc tỉnh, con không bao giờ làm”. Hắn cũng cười, “Nhậu cũng khổ lắm cha ơi, đầu tháng có tiền, nhậu toàn món sang. Cuối tháng, còn chừng mười ngàn trong túi đành ngồi nhậu với đậu phộng luộc, cá khoai khô. Lúc này kể ra thì xấu hổ đây, đi ngang quán quen chạy thiệt chậm coi có thằng bạn nào ngoác lại không, ngoác nhẹ mình tự ái chạy luôn, ngoác mạnh mình

ghé lại, tình bạn nhiệt thành vậy, con phụ sao đành”. Cha cười ha ha, cái thằng...

Hắn giống cha, giống nhất là nhiều râu. Râu cha xồm xoàm, cứng tua tủa, ngả màu bạc; râu con cạo sạch nhưng vẫn xanh rì dưới làn da. Hắn càng uống càng đỏ mặt, cha càng uống càng xanh. Hắn nói với cha về những khó khăn trong công việc, về con bạn hắn thương sắp lấy chồng (đặc biệt chuyện nấy lúc tình dễ gì hắn mở miệng), cha ờ ờ, hỏi trẻ, cha cũng bị thất tình hoài. Hắn ngạc nhiên, “Cha nói chơi, “cứng” như cha, từng vào sinh ra tử với quân thù, cũng biết cảm giác buồn nẫu nuốt khi mất người yêu như đám thanh niên bây giờ sao?”. Tự nhiên hắn thấy giữa mình và cha hình như không còn khoảng cách nào hết, vì có thể nói và nghe nhau. Có lần, hắn còn kêu cha lấy vợ đi, lấy cô giáo già thương cha hoài, chờ cha hoài đó. Cha cười, “Cha già rồi”. Hắn gạt ngang, “Già đâu mà già, cha còn “ngon” lắm, lần nào cha con mình nhậu con cũng say trước...”. Cha hắn bật cười, cái thằng uống rượu như xe bốn mà dám già đồ say. Nhưng có điều chắc cha chưa biết, hắn làm vậy để được cha che chở, diu dặt như ngày còn bé. Đàn ông lớn xác vậy nhưng đôi lúc vẫn thèm, đời ngoài kia trần trụi và khốc liệt quá mà...

Rồi một ngày, hắn đến quán một mình, ngồi chỗ cũ, gần song cửa đóng bằng thê tre bù xè đã ăn thủng lỗ chỗ, phẩn rắc lấm tẩm mặt bàn. Hắn đòi hai cái ly, một đĩa đậu phộng rang, run rẩy rót rượu tràn ra bàn rồi đầu đầu nhìn về chiếc ghế trống trước mặt. Cha hắn đi rồi, đi xa lắm, cô phục vụ

xinh đẹp rụt rè ngồi xuống chỗ cha thường ngồi, cô bảo:

– Hôm rồi xe tang đi qua, em thấy giống bác, em đã ngờ ngờ... Hổng ngờ...

Hắn không nói gì hết, sợ mở miệng ra sẽ bật khóc. Đàn ông ai khóc trước mặt con gái, kỳ.

Sau nầy gặp lại, cô phục vụ cười:

– Chừng nào em lấy chồng, em sẽ chọn một người y hệt anh, một người có thể chở cha mình đi nhậu. Bây giờ, ít người làm vậy lắm – Rồi cô nghẹn ngào – Sao thấy anh, em nhớ bác quá, anh à!

Người tri kỷ xưa vừa đi, người tri kỷ khác lại đến.

Cha mất hai năm, cô phục vụ nọ thành vợ hắn, người vợ duy nhất không cần nhân khi chồng đi nhậu, vì cô biết, có lúc chồng mình cũng bỏ mặc đám bạn bè để một mình đến quán cũ, ngồi nhớ thương người bạn nhậu cũ.



## Một giấc mơ

Ta ngoái lại, cái cột ăng-ten buro điện trong thành phố xa dần, ta hơi ngán ngờ một chút, vậy là mình đã bứt ra khỏi những cuộc hội họp triển miên, những trận tennis hay vào mỗi sáng chiều, những đồng sự bạn bè quen thuộc đến từng nốt ruồi, chấm tàn nhang, vết sẹo trên khuôn mặt.

Ta chui đầu vô chiếc xe đồ ọp ẹp, chật cứng, nóng bức, nồng nặc hơi người. Ta nhớ chiếc xe hơi sang trọng và anh tài xế lanh lợi ở nhà, ta nhớ quá, nhưng nghĩ, mình phải bắt chước vua Càn Long, vì hành chịu khổ một chút mà hay ho lắm. Chiếc xe bò lác lư trên con đường đầy ổ voi, ổ ngựa, anh thanh niên ngồi cạnh cửa ôm xâu lưới đá trong lòng, chắc lưới than, đi điệu nảy dia chắc nín "ì" năm bảy bữa. Cả xe cười ha ha ha. Mỗi lần xe xụt xịt chúc đầu xuống dốc cống, bà má ngồi kế bên anh lại nói lịu: "Í chụt má mấy ra... í chết cha bà già...". Ta nghe cái mùi trâu hăng hăng thoảng ra từ cái miệng duyên dáng của bà. Trời ơi, tìm ta nhói một cái, mùi trâu quen thuộc của mẹ, của ngoại ngày xưa. Rồi bà má day qua ta, hỏi:

— Bây đi công tác hay là đi thăm nhà? Bây xuống chỗ nào?

Ta lặng đi một chốc, mình xuống chỗ nào cà, bác tài, bác tài ơi, cho tôi xuống chỗ có mấy trâu kia đi.

Ta bị bỏ lại giữa con đường còn ướt sương mai, bên một bờ cỏ rộng có mấy trâu đang thủng thảng nhoi nhoi. Hai thằng nhỏ chân trâu óm nhom, đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn, khuôn mặt teo héo như đít trái dứa khô ngó ta lom lom, như sợ ta ôm con trâu chạy mất. Không đâu con, bác chỉ đứng đây thôi, để ngửi lại cái mùi khai ngai ngái của trâu, để ngó mặt trời lụng bụng lên từ phía chân trời. Ta khẽ lặng người đi, có cái gì đó bèn lăm khẽ cựa vào khúc ruột, ta đã tìm cảnh có trâu có cỏ như vậy lâu lắm, vì đôi khi nhớ tiếc một thời thơ ấu trong trẻo, ngọt lịm như mía lùi. Bây giờ tìm được cỏ với trâu, lòng có bình yên nữa đâu mà thương sáo với diều, chán thiệt. Ngồi không cũng buồn, ta kiếm chuyện nói chơi, Trời ơi, có phải lúa kia không, mấy đứa coi, lúa xanh cả vạt đồng kia. Hai thằng mọi cười chảy nước miếng, năn đó ông nội, lúa đâu mà lúa, đất này phèn trắng xác, nước sâu hòm, người sống còn không nói, nói chi lúa. Ừa, vậy sao, vậy sao, hỏi đi công tác bằng xe hơi qua đây, cái vạt xanh này, ta đã tưởng là lúa. Ta nghe lòng thẹn thò một chốc, rồi hỏi, mấy người đang lom khom đằng đó chắc là đang dặn cù bắt chuột nhậu hả. Hai thằng nhỏ lại cười, họ đi đặt trúm bắt lươn bán đó, ông nội, đôi muống lòi con mắt còn lo nhậu nhẹt gì. Ta nín thinh luôn.

Ta vẫy một chiếc xe khác, đi thêm một đôi đường. Ông già ngồi bên sắp ngủ gật, nghe ta hỏi làm ăn lúc này khá không,

Ổng tinh dậy, khá gì, đắp đống qua ngày thôi. Cái gì cũng lên giá, nè, khoai thuốc gò nảy bữa nay lên thêm ngàn hai, vậy là mất toi một ký cái xanh. Tươi trần ai mới được ký cái, đi chợ địa bữa nào cũng buồn đã đời, ngó thấy người ta uống chai bia chín mười ngàn, uống cái ọt, rồi đi đái hết trơn. Xong uống chai khác. Mà, tui thấy chú em hơi quen quen, chú ở Giáp Nước hay Thị Tường?

Tim ta nhói lên một cái, mấy tiếng đó nghe thương, như đất là quê hương, là nhà của mình, người dân ở đó hiền hậu bao dung y hết người cha, người mẹ, cô em gái nhỏ của mình. Nơi đó, có khi tám, hay mười tám năm rồi ta chưa về lại. Vậy thì bác tài ơi, cho tôi xuống chỗ đầu kinh kia đi.

Ta run rẩy bò lên những cây cầu khi, ta lồm cồm men theo con đường đất lở lói, đứt khúc bởi những cống, mương. Ta ra đi từ giải phóng, gần ba mươi năm rồi nhưng xứ sở vẫn còn nghèo. Ngoài vườn, cây trái xác xơ, phơi mình chang chang trong nắng.

Nhưng tám lòng còi mớ, nhiệt thành, hào sảng của dân xứ Đám (Thị Tường) thì còn. Mèn ơi, thằng Hai, thằng Hai nè bà nó ơi, cái thằng, lâu lắm... Coi anh Hai mập mập tốt tướng lắm, má à. Bà má mất mờ rờ bụng ta, cười khùng khục, í, bụng bây inh có chứa năm bảy tháng, nhớ hồi đó, mỗi khi đi công tác về, bây chỉ cái bụng xẹp lép, kêu nghe ọt ọt, than, má ơi, đói quá, thấy mà thương. Ta cười sượng trân, con nhớ mà má Ba. Má cười, Tổ cha bây, nhớ lộn má Ba bên xóm Huế hả, tao là má Bảy, hông nhớ he?

Và còn nhiều bà má, ông ba khác, người đã mất, người còn thì lẫn lộn nhớ quên. Nhưng những người phụ nữ xứ sở này bảo rằng chưa bao giờ quên ta. Họ biểu thằng cháu nội lục trong tủ thờ, lôi ra cuốn sổ đầy cứt gián, anh Hai coi, tập chép bài ca anh chép cho tụi em còn nguyên đây nè. Họ lật ngay trần cái trang chỉ chút nét chữ của ta. Họ giữ cái khăn tắm trước hôm đi chiến dịch ta nhờ giặt, cái hăm cạnh bụi tre gai... Mà ta thì không nhớ gì hết, trong những người này ai đã run rẩy đưa bàn tay cho ta nắm hôm đoàn vận công giải phóng về diễn ở Vịnh Dừa, ai đã bơi xuồng đưa ta vượt Đầm trong một đêm giông gió lớn. Ai đã thắm lạng đắp mền cho ta vượt qua cơn sốt rét?

Ta vừa thấy rùng mình ớn lạnh thì nghe tiếng cậu thư ký phân trần: “Chú Hai đã bay từ Hà Nội về Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn về đây gần hết đêm, chắc là mệt lắm”. Ủa, sao kỳ vậy, ta loay hoay tìm đường ra khỏi cơn mơ.

Cậu thư ký gọi khẽ: “Tới lượt chú phát biểu rồi, chú ơi!”. Chú Hai choàng tỉnh ngay, sửa lại kính, e hèm. “Xin lỗi các đồng chí, tôi hơi mệt, nhưng không sao, ta vào vấn đề...”.

## Làm cho biết

Bày nhấn tin vào máy tôi, “Viết văn không lo viết văn bày đặt vô Hội đồng nhân dân chi vậy không biết?”. Ui cha, Bày đang cười mình ham hố, học đòi nhúng chân vô chính trường đây, tôi nhấn lại gọn gàng ba chữ “Làm cho biết”.

Mà thật, có nhiều chuyện mình chưa được biết bao giờ, nhiều cảm giác thật lạ lùng mình chưa được trải qua. Lần đầu tiên tôi ném trái nỏ áy náy khi thấy người dân chờ đợi. Buổi gặp gỡ nào, tôi cũng cố đi cho thật sớm, nhưng tới nơi đã thấy họ đợi ở đó. Những ông bà già tóc bạc, những anh thanh niên làm ra vẻ chững chạc, những cô gái e thẹn cầm vành nón... nhưng tất cả những vẻ mặt đó đều nhuộm màu sương nắng. Ngoài trời mưa gió hiu hắt, họ ngồi co chân trên ghé đá, nước từ ống quần nhỏ xuống tong tong. Có người đã hối dẫu con chuẩn bị cơm từ sáng sớm để ăn cho kịp đi chuyến đò đầu. Có người chuẩn bị xuống máy lúc trời tờ mờ chưa tỏ mặt nhau, vì đường từ nhà ra xã còn xa lắm. Ngồi chờ tới giờ vào họp, tôi hay nghĩ lung tung beng, sao mình lại bắt họ lặn lội

đến để gặp mình, mình phải đến với họ chứ. Chỗ mình và họ gặp nhau đáng lẽ phải ở bên một bờ kinh cạn nào đấy, chỉ cần ngồi ở đó coi con nước lờ đờ, không ai nói gì hết nhưng mình thấu được nỗi khó khăn của người nuôi tôm, trồng lúa. Lẽ ra mình phải gặp họ trong một ngôi trường trống, co ro nghe mưa và gió thốc vào để hình dung ra những con chữ run rẩy như thế nào dưới bàn tay tái xanh vì lạnh của đám học trò. Lẽ ra phải cùng bà con đi trên con đường đất, lột dép bỏ qua cây cầu dừa, ngồi quây quần chỗ chòi vuông hay cái rạp xuống, uống vài ly rượu để để cời mở những khúc mắc của nhau ra.

Chà chà, làm được vậy số tay tôi mau đấy cho mà coi. Tôi sẽ ghi chép thật nhiều để làm vốn cho việc viết văn. Bày ơi, Bày đừng lo, đi tới đâu, làm gì, tôi cũng không quên cái nghiệp của mình, “chuyện làm ăn” của mình. Tôi còn ôm mộng in quyển ghi chép như “Năm tháng chưa xa” của Nguyễn Thi. Sinh động, chi tiết, chứa đựng thật nhiều hoàn cảnh, nỗi niềm của nhân dân. Đây nè, tôi ghi cũng đã nhiều câu nói thật là mắc cười (không hiểu sao, cười xong tôi lại thấy đau quận cả lòng).

Một ông già hỏi: “Heo gà tụi tui cho ăn ngày ba bốn bữa thì giá rẻ. Còn vàng với sắt hỏng cho ăn sao lên giá hoài, kỳ vậy?”.

Một ông già khác nói chuyện xây nhà tình nghĩa, “Năm nay không cất chắc hai bà má Việt Nam anh hùng ở áp tui cũng không còn sống để chờ. Mà, máy ông nhà nước có cố ý làm chậm hôn ta, chậm chậm, hai bà chết rồi là xù, nhà nước đỡ tổn?!”.

Một anh thanh niên bảo (anh này có nụ cười rất đẹp, nói chung ai cười đẹp là tôi nhớ lâu), “Nhà nước hay nói đảng viên, cán bộ là đầy tớ của nhân dân, sao tui thấy “đầy tớ” bây giờ sống ngon hơn “chủ” quá trời đất, nhậu chỗ sang, ở nhà lâu. Tui hóng hiểu gì hết”.

Một ông già khác (có chòm râu hơi dài): “Vợ tui nói bà hóng biết mặt chủ tịch xã nhiệm kỳ rồi ra làm sao, bốn năm trời, ông này có xuống dân đầu mà biết mặt. Tui thấy mấy ông nhà nước lúc rày xa tui tui quá, lạnh lùng với tui tui quá. Cậu văn thư ở xã mình râu còn chưa có mà lần nào tui lại làm giấy tờ này nọ cậu cũng lớn tiếng rầy rà, nạt nộ”.

Một bà lão (tay phe phẩy cái nón lá rách tả tơi) bảo, “Tôi thấy mấy ông sai phạm làm mất tiền tí mà hóng có sao hết, có người bị xử nhẹ hều, có người đưa qua làm giám đốc bên xứ... đạm gì đó (Ghi chú: Tác giả nghi là Khu công nghiệp Khí Điện Đạm Khánh An, chứ ở Cà Mau có xứ Đạm nào đâu). Kỷ luật mình hóng nghiêm nên cán bộ “chơi” hoài, “ăn” hoài, ăn đâu có tội tình gì, ngu sao hóng ăn”.

... Sổ tay tôi còn nhiều phát biểu mắc cười như thế nữa, Báy à. Tôi luôn ghi vào sổ tay vì giọng văn tung tung của mình cần những câu nói dân dã, không quan cách ấy. Và Báy biết không, thật lạ lùng, nhiều khi tôi không nhớ ra nhưng vẫn nhớ rõ ràng khuôn mặt của người, nhớ từng câu, từng chữ, cái cười cay đắng, cái chém tay quyết liệt vào khoảng không...

Và từng nét mặt đẽ nên, dáng đi nặng nề, từng ánh mắt day diết của mỗi người khi ra về. Phải chờ lâu lắm, đoàn Đại

biểu Hội đồng nhân dân mới đến, nhưng gặp nhau, trao đổi chưa được hai tiếng đồng hồ thì hết giờ. Xong, đại biểu Hội đồng đi ăn cơm với cán bộ xã. Bà con lénh thính xuống xuống, không thấy ai cười bởi trong lòng trĩu nặng những nỗi niềm chưa kịp nói, còn trong tim những ray rứt chưa kịp tỏ bày.

Khi ấy, Bảy ơi, tôi đã biết số đo, lúc nhậu, hay chơi tennis mình đã có dè sèn thời gian như thế không?

Câu trả lời đặng chất.



## Tản mạn quanh... cái cổng

Sớm mai chạy bộ đã thấy dăm ba người ngồi tum hùm ở đó, gió xách quai bị lỏng chỏng, còn anh chàng cảnh vệ thì đang lỏng ngóng đứng ngó với vẻ mặt cảnh giác cao độ, tôi nghĩ trong bụng, chắc sáng nầy có chuyện đây. Mà thật, lúc vòng xe qua tượng đài để đến cơ quan, thấy cổng ủy ban đang nhốn nháo. Nhiều người hiếu kỳ dừng xe lại coi, mấy anh cảnh sát trật tự thối còi biểu đi đi, có gì lạ đâu mà coi. Ừ, có gì lạ đâu...

Cảnh nầy diễn ra hà râm, thành ra cánh cổng ủy ban quá quen với việc kiện cáo vượt cấp thời mở cửa. Dân mình cũng ngộ, thấy ấm ức, thấy không hài lòng, thấy bức bối... vậy là kéo lại ủy ban, đòi gặp chủ tịch tỉnh chơi. Mà, phải chủ tịch chứ không phải ai khác à, bây giờ có đưa bí thư tỉnh ra bà con chưa chắc chịu. Tượng tượng như đây là phủ Khai Phong, mà chủ tịch là Bao Công (vì ông quan nầy xử đủ thứ án, cả hôn nhân gia đình, cả giang hồ hiệp khách, cả âm mưu

soán chúa đoạt vua...), nên bà con đòi nhiều chuyện khó động trời. Có vụ việc đã xử ở Tòa án tối cao rồi nhưng vẫn nằng nặc đòi chủ tịch coi lại (?!). Có vụ việc đề nghị chuyển qua Ban tiếp dân nhưng dân lác đầu nguầy nguầy, nói với giọng dứt khoát, “Đâu được, quyết định đó là chủ tịch ký mà, chủ tịch mới biết chuyện để nói với tui tui chứ”.

Rốt cuộc thì chủ tịch đầu lo xiết mấy chuyện lật vạt này, ông còn phải lo hợp hành, hoạch định những chính sách vĩ mô để đưa tỉnh thoát nghèo (nhức óc lắm, bởi đã suy nghĩ biết bao lâu rồi chưa tìm ra con đường nào khả thi). Rốt cuộc cánh cổng đóng im im mỗi khi dân lại “hỏi thăm”. Cán bộ ra nói chuyện phải quấy với dân đi bằng cửa phụ (và được nguy trang tuềnh toàng, cực kỳ bí mật), nhân viên Ủy ban có đôi bụng cũng uống phê sữa đá cảm chừng, chứ ra ăn bên ngoài nhiều quá dân phát hiện cái cửa nhỏ xíu đó, kéo lại bao vây nửa thì phiền.

Trước đây, khu vực Ủy ban, Tỉnh ủy và các Ban tuyên giáo, Ban kinh tế liên thông với nhau, đi vào bất cứ một cổng nào rồi vòng vèo, luồn lách qua mấy con đường nhỏ xanh xanh cây cỏ được tia tốt kỹ càng là đến được các cơ quan còn lại. Tôi rất khoái, vì nó vắng vẻ, nên thơ, mà có qua Ủy ban, Tỉnh ủy đưa thư, tặng báo tôi không phải ớn xương sống vì vẻ mặt lạnh tanh của anh bảo vệ, bằng cái vẻ cảnh giác (chắc vì tướng tôi cù lắn, da lại đen, mặt lúc nào cũng đăm đăm suy nghĩ như mang oan khuất trong lòng), anh hỏi những câu chá sử dụng chủ ngữ, đi đâu đây, vô trông làm gì, gặp ai, có hẹn trước không? Rúi cái là bà con cũng biết con đường này, nhiều

lần xộc vô tới văn phòng, hỏi, chủ tịch đâu cho tui gặp chút. Chắc có người sức nhớ ra, ủa, ở đây là Ủy ban, Tỉnh ủy mà, sao có thể để dân vô ra như đi chợ được. Rồi những bức tường được dựng lên ngăn các cơ quan thành những khu riêng biệt. Cái cổng chính trở nên quan trọng, tất nhiên, một khi đã ý thức được điều đó, nó bỗng làm ra vẻ đạo mạo, thâm nghiêm, xa cách (người ta cũng vậy thôi). Đến nổi cỏ mọc xanh rì theo các viên gạch vỉa hè (vì cả đi bộ người ta cũng không dám đi gần tường rào).

Nên ai làng vắng ở đó thì chỉ có một mục đích duy nhất, gặp chủ tịch. Để kêu oan quá chủ tịch ơi, để hỏi sao kỳ quyết định thu hồi đất của tui, để méc là thằng kia giết con tui, sao tòa xử nhẹ hều... Xứ sở hơn một triệu dân, bao nhiêu là bức xúc. Nhiều sự việc đã giải quyết nhào như ở xã, ở huyện nhưng bà con ngờ vực có bao che, thiên vị, có "ăn" ở trống (thấy chưa, làm dân mất lòng tin bây giờ khổ vậy đó, có công tâm, thật lòng cũng chẳng ai chịu nghe). Có người bị giết hôm trước hôm sau thân nhân đến (cổng) Ủy ban, gào khóc kêu chủ tịch tỉnh cho xin tí công lý, vì thủ phạm là cháu của bí thư phường, con bên sui của trưởng công an thành phố, nên tới bữa nay vẫn chưa bị bắt, vẫn nhon nhon ngoài đường. Kỳ họp Hội đồng nhân dân nào cũng gai gai người khi thấy một chị bung tẩm ảnh thờ của chồng lại để ở cổng. Hỏi kỹ cũng là chuyện tranh chấp đất cũ mèm, chị nói đất đó là của chị (mà tôi cũng tin nó là của chị, mới uất đến nỗi bung ảnh chồng đi lêu lêu ngoài nắng như vậy) nhưng tuyệt không có lấy một miếng giấy gì chứng minh (vậy thì lý đầu để chị thắng

kiện). Nên có xử thế nào, đã đạt lý thế nào chị cũng cảm thấy ám ức, buồn lòng nên lại cống Ủy ban ngồi, chờ đợi một cái gì không rõ ràng, và ngày càng tuyệt vọng. Có đoàn (chắc là ở huyện lên) còn nhóm lửa nấu com ngay đằng trước cốt gác, để khẳng khái bày tỏ quan điểm, "Chờ chừng nào gặp được chủ tịch, mới về".

Thấy cống cơ quan bị "sức ép" quá, tình cử phó chủ tịch tiếp dân vào thứ bảy hàng tuần. Nhưng phó chủ tịch thì không phải là... chủ tịch, nên bà con chưa thỏa mãn mấy. Mà, một tháng có bốn buổi tiếp dân thì thăm thắp gì, chưa kể nhiều khi phó chủ tịch bận đi công tác, đi dự hội nghị hay... bệnh, chưa kể nhiều vụ việc quá phức tạp, phải hỏi lại các cơ quan có liên quan. Vậy là người ta tiếp tục chớ nổi đầu, nổi buồn, nổi oan khiên, mất mát... về cống ủy ban tỉnh.

Hệ lụy là tội nhân viên nho nhỏ như tôi (cá nghĩa đen lẫn bóng, tức là chưa có cái vé đường bộ nhìn vô là biết cán bộ nhà nước mà cũng chưa xuất hiện trên báo, trên ti vi, cái mặt lạ khù), vô ủy ban liên hệ làm việc vừa tới cống đã mất lửa ngay (do cái mặt anh bảo vệ quá lạnh). Hệ lụy là những má, những chị ở quê, một bữa nhớ quá những đồng chí đã cùng nằm gai nếm mật hồi kháng chiến, sẵn đi chợ nên ghé thăm. Nhưng thật khó để vào, nghe xin vô để gặp chủ tịch, bí thư là anh bảo vệ nghi rồi, mà lý do vô gặp cũng không rõ ràng, không được hẹn trước... (cũng có mấy người lại nói là bạn bè chiến đấu xưa, nhưng vô gặp được chủ tịch thì đưa đơn thưa, báo hại bảo vệ bị rầy, nên bây giờ phải cảnh giác). Khách đành ngậm ngùi dừng ở đó, quay về.

Đến lúc người xa khuất mắt tiêu, anh bảo vệ mới tin là họ chẳng kiện thưa gì, vì họ túi hờn đi mau. Đó là chỗ phân biệt, người ám ức thì sẽ nấn ná, kêu gào, sẽ chờ mòn mỏi thật lâu. Bởi tới đây là người ta đã hết đường "đi", đã không tin tưởng bất cứ cơ quan công quyền nào khác, không nghĩ ở đâu giải quyết mau lẹ, công tâm bằng chỗ này.

Nhưng đến đây rồi, chưa chắc đã gặp nhau. Cổng thì quá cao...